

Số: 151/CBTT-CN&MTĐT
V/v công bố Báo cáo thường niên
năm 2022

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 3 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (0277) 3853332 Fax: (0277) 3852825

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Văn Sang

Địa chỉ: Số 18, ấp 3, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0914.415.882

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty: www.dowasen.com, tại chuyên mục Quan hệ cổ đông từ ngày 29/3/2023.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT (b/c), BKS (g/s);
- Lưu: VT, CBTT.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022;

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Người thực hiện công bố thông tin



Phan Văn Sang



CTCP CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



2022 BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

....



MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 18 Định hướng phát triển
- 20 Các rủi ro

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 34 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 36 Tình hình tài chính
- 40 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 42 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 46 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- 48 Tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 52 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 52 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 53 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 56 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 56 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 57 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 60 Hội đồng quản trị
- 68 Ban kiểm soát
- 72 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

04

22

44

54

58

74



1

THÔNG TIN CHUNG

- 06. Thông tin khái quát
- 12. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 18. Định hướng phát triển
- 20. Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Tên tiếng Anh:	DONG THAP WATER SUPPLY & URBAN ENVIRONMENT JOINT - STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	DOWASEN
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17/03/2022
Vốn điều lệ:	259.181.300.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	332.833.194.447 đồng
Địa chỉ:	Số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Số điện thoại:	(0277) 3853 332
Số fax	(0277) 3852 825
Website:	www.dowasen.com
Email:	capnuocdt@dowasen.com
Mã cổ phiếu:	DWS



VỐN ĐIỀU LỆ

(Hai trăm năm mươi chín tỷ một trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng)

259.181.300.000



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 03/07/1976, Sở Xây dựng Tỉnh Đồng Tháp được thành lập, nhà máy nước trực thuộc Sở bao gồm Nhà máy nước Sa Đéc và Nhà máy nước Cao Lãnh.

Ngày 16/10/1989, trên cơ sở nền tảng của Xí nghiệp Cấp nước Thị xã Cao Lãnh, Công ty Dịch vụ Cấp thoát nước Tỉnh Đồng Tháp được thành lập với số vốn ban đầu là 10.086.000 đồng. Bộ máy tổ chức Công ty gồm 03 phòng nghiệp vụ, 01 đội thi công, 31 cán bộ công nhân viên.

Ngày 15/01/1994, Công ty thành lập thêm nhà máy nước trên 2 huyện gồm Huyện Lai Vung và Huyện Châu Thành.

Ngày 18/04/1998, UBND Tỉnh ra quyết định chuyển Công ty Cấp nước Tỉnh Đồng Tháp thành Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích; trụ sở chính đặt tại số 44 đường 30/4, Phường 01, Thị xã Cao Lãnh.

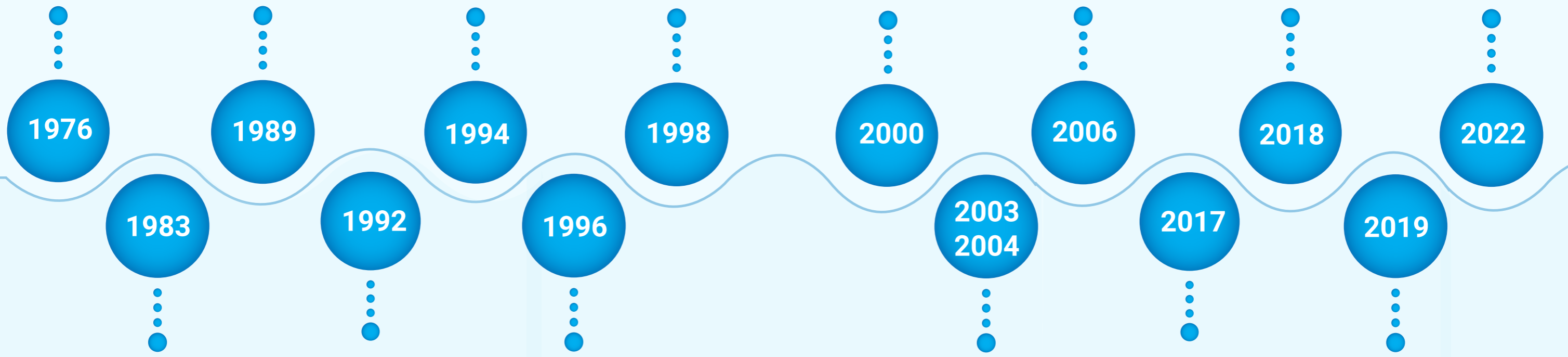
Ngày 03/06/1998, Công ty thành lập Xí nghiệp xây lắp và vật tư ngành nước trực thuộc Công ty, trụ sở đặt tại số 01A đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thị xã Cao Lãnh.

Công ty được giao quản lý 11 nhà máy cấp nước huyện, thị trong Tỉnh, trụ sở mới đặt tại số 01 đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thị xã Cao Lãnh.

Ngày 21/09/2006, UBND Tỉnh ra quyết định chuyển đổi tên Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Ngày 29/03/2018, Công ty góp 100% vốn điều lệ thành lập Công ty TNHH Nước Đồng Bình.

Ngày 19/12/2022, Dowasen hân hạnh là đơn vị đồng hành và mang đến diễn đàn Me-kong Startup 2022 các dòng sản phẩm nước uống đóng chai với đa dạng kích thước để giới thiệu đến người tiêu dùng. Tại đây, Công ty đã trưng bày các loại kích cỡ nước uống đóng chai là 237 ml, 330 ml, 500 ml, loại bình lớn nhất có dung tích 18,5 l và mang đến các giải pháp nước sạch phục vụ sinh hoạt cho người dân, góp phần quảng bá hình ảnh Tỉnh Đồng Tháp nói chung và Dowasen nói riêng.



Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh ra quyết định nâng Nhà máy nước Cao Lãnh thành Xí nghiệp Cấp nước Thị xã Cao Lãnh.

Ngày 09/12/1992, UBND Tỉnh quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cấp nước Tỉnh Đồng Tháp. Trụ sở chính đặt tại số 01 đường Nguyễn Huệ, Thị xã Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Tháng 10/1996, Công ty tiếp nhận và thành lập Nhà máy nước Huyện Cao Lãnh.

Ngày 16/03/2003, UBND Tỉnh ra quyết định sáp nhập 02 công ty xây lắp và dịch vụ tại Thị xã Sa Đéc và Thị xã Cao Lãnh vào Công ty Cấp nước và đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp.

Tháng 03/2004, Công ty tiếp nhận quản lý Trạm cấp nước Huyện Lấp Vò.

Ngày 26/04/2017, chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp từ loại hình Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần (CTCP) theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND.

Ngày 03/11/2017, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng.

Ngày 24/01/2019, Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), với mã chứng khoán DWS.

Ngày 01/11/2019, Công ty TNHH Nước Đồng Bình chính thức giải thể.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



01 Huân chương Lao động hạng Nhất



01 Huân chương Lao động hạng Nhì



01 Huân chương Lao động hạng Ba



01 Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ



01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



- 02 Huân chương Lao động hạng Nhì
- 05 Huân chương Lao động hạng Ba cho cá nhân



- Nhiều bằng khen, giấy khen, huy chương kỷ niệm chương,... cho tập thể, cá nhân của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh sản xuất chính của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Dịch vụ đô thị; Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, đóng bình...

Hiện nay, Công ty hoạt động với 2 mảng chính bao gồm: hoạt động môi trường và hoạt động kinh doanh.

HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- » Thu gom & vận chuyển rác thải;
- » Thoát nước đô thị: xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng (thoát nước) đô thị, nông thôn;
- » Hút hầm cầu;
- » Công viên cây xanh;
- » Nghĩa trang, dịch vụ địa táng, hỏa táng.

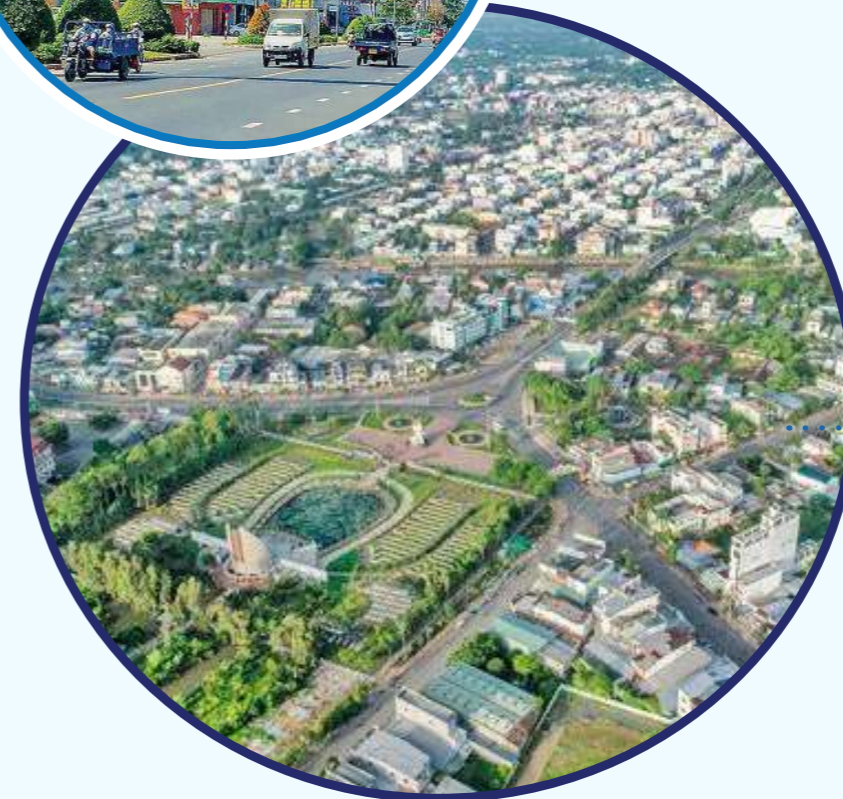


HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- » Nước sinh hoạt: sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ nước sinh hoạt, sản xuất;
- » Dịch vụ nước;
- » Vật tư: mua bán vật tư xây dựng, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- » Xây lắp, sửa chữa hệ thống cống thoát nước;
- » Cho thuê phương tiện;
- » Tư vấn: hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật;
- » Nước đóng chai, đóng bình;
- » Dịch vụ khác.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trải qua 33 năm hình thành và phát triển, Dowasen đã đáp ứng nhu cầu cung cấp nước sạch, dịch vụ vệ sinh môi trường cho khách hàng trong tỉnh Đồng Tháp. Công ty hiện có đội ngũ nhân sự 742 người với 5 chi nhánh trực thuộc và văn phòng công ty, hoạt động tại 12 huyện, thành phố trong tỉnh Đồng Tháp.




Tỉnh Đồng Tháp







CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

CHI NHÁNH CẤP NƯỚC NAM SÔNG TIỀN


 Số 207b, Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

 (0277) 3861 814


 (0277) 3865 366




CHI NHÁNH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG


 15/4, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp


 (0277) 2211 427

 (0277) 3851 983

CHI NHÁNH CẤP NƯỚC ĐÔNG BẮC SÔNG TIỀN


 Số 01, Nguyễn Huệ, Phường 1, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp


 (0277) 3852 826


 (0277) 3852 826




CHI NHÁNH CHI NHÁNH NƯỚC ĐÓNG CHAI DOWASEN


 Số 01, Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

 (0277) 3538 999

 (0277) 3538 789

CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂY BẮC SÔNG TIỀN

 Quốc lộ 30, Phường An Lộc, TP Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp

 (0277) 3837 319

 -



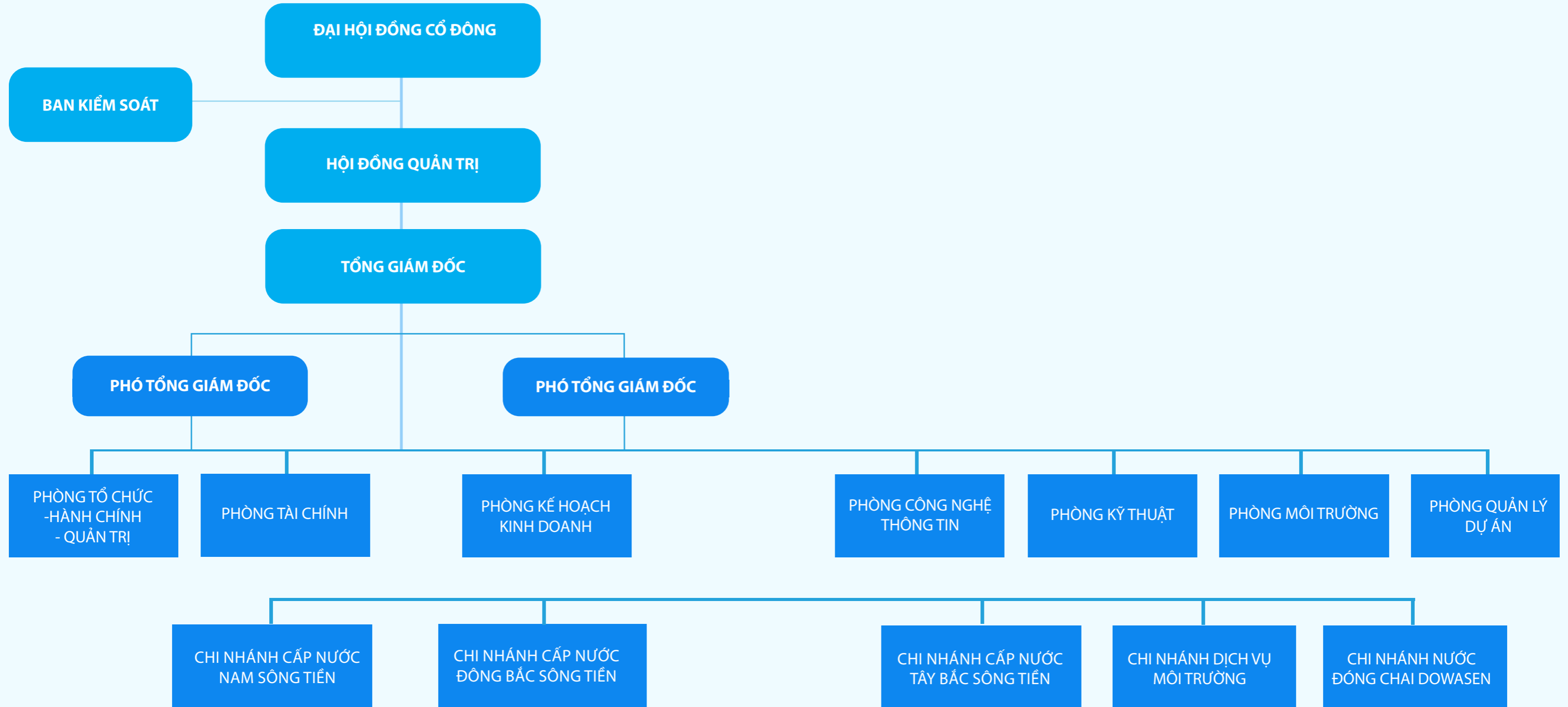


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), Ban Tổng Giám đốc (BTGD), 07 phòng chức năng và 05 đơn vị (chi nhánh) trực thuộc hạch toán phụ thuộc của Công ty.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT :Không có



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » Tiếp tục đầu tư mới, cải tạo, nâng công suất các nhà máy, mở rộng các tuyến ống, vận hành tối ưu nhà máy cấp nước, đặc biệt quan tâm đẩy mạnh việc mở rộng cấp nước ra khu vực nông thôn theo yêu cầu của chính quyền địa phương và nhân dân, góp phần thay đổi chất lượng cuộc sống người dân nông thôn và hoàn thành kế hoạch cấp nước của Tỉnh giai đoạn 2021-2025.
- » Tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng các nhà máy nước mặt, bổ sung nguồn cung cấp nước mặt kịp thời thay thế cho các trạm nước ngầm sẽ ngưng khai thác theo lộ trình của UBND Tỉnh và của từng địa phương.
- » Tiếp tục tăng trưởng sản lượng nước tiêu thụ, cố gắng vận hành với chi phí thấp, hiệu quả cao và bền vững.
- » Luôn quan tâm việc đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong công tác quản lý chất lượng nước.
- » Phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước, xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa mạng lưới cấp nước và thay thế đồng hồ theo chu kỳ.
- » Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu tài chính, cụ thể:
 - Phấn đấu tăng trưởng doanh thu bình quân là 7,5%/năm.
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu (ROS) hằng năm tối thiểu là 7%.
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân là 11%.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- » Kế hoạch đầu tư phát triển trong giai đoạn 2022-2027 với tổng vốn đầu tư phát triển Công ty là 911,41 tỷ đồng, cụ thể:
 - Hoạt động cấp nước và sản xuất kinh doanh nước đóng chai: 716,50 tỷ đồng.
 - Hoạt động dịch vụ môi trường: 194,91 tỷ đồng.
- » Tích cực chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện và phối hợp thực hiện kế hoạch chuyển nguồn khai thác nước mặt thay thế nguồn nước ngầm để cung cấp nước cho người dân trên địa bàn theo đúng với lộ trình và các tiêu chí đề ra đến 2025, định hướng 2030 của UBND Tỉnh Đồng Tháp và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của Công ty.
- » Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, số hóa trong công tác chăm sóc khách hàng, quản lý sản xuất, xử lý công việc (như các hệ thống: CRM, DOWASCARE, Caresoft, DOWAMETER, DOWASCADA, DWeOffice...) để đảm bảo chất lượng cung cấp nước sạch, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- » Tiếp tục xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển và chỉ đạo việc đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ (đặc biệt tập trung nghiên cứu đầu tư các nhà máy, tuyến ống truyền tải lớn, mang tính liên kết, kết nối, hạ tầng cấp nước trong Tỉnh) nhằm phục vụ các hoạt động mang lại nguồn thu và lợi nhuận chính cho Công ty, góp phần vào công tác đầu tư, phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.





RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2022, với bức tranh nền kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, thách thức, gia tăng khả năng suy thoái trong ngắn hạn, lạm phát ở mức cao và các vấn đề địa - chính trị, xung đột vũ trang, thiên tai, dịch bệnh... đã gián tiếp ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải. Đặc biệt với tình hình lạm phát kéo theo lãi suất tăng mạnh trực tiếp tạo nên gánh nặng chi phí lãi vay của Công ty khi cần huy động vốn để đầu tư cho những dự án mở rộng mạng lưới cấp nước ở khu vực nông thôn, vùng ven theo yêu cầu của chính quyền địa phương.

Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 của ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,45%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm trong mức tăng 8,02% của GDP toàn ngành so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả trên, hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên cả nước năm 2022 hồi phục khá mạnh mẽ, tuy nhiên trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp vẫn còn tồn tại nhiều thách thức do ngân sách Tỉnh còn hạn hẹp khiến nhu cầu đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cao Lãnh gặp nhiều khó khăn trong công tác đầu tư đưa nước thải về nhà máy để xử lý.

Nhận thức được những rủi ro kinh tế tồn đọng, Công ty luôn nâng cao kiểm soát công tác quản lý tình hình sử dụng vốn trong kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính. Bên cạnh đó, Công ty luôn theo dõi, nắm bắt tình hình kinh tế chung để chủ động có những giải pháp thích hợp nhằm duy trì ổn định hoạt động kinh doanh.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Các chính sách hạn chế khai thác nước ngầm, ưu tiên khai thác nước mặt của địa phương đã gây nên nhiều khó khăn cho Công ty trong việc thiết lập quỹ đất xây dựng nhà máy nước mặt tập trung lập kế hoạch chuyển nguồn khai thác nước mặt thay thế nguồn nước ngầm hiện có.

Bên cạnh việc tuân thủ các văn bản Luật và dưới Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động... Công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi Luật Tài nguyên nước (quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra) và Luật Bảo vệ môi trường (quy định về hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó có bảo vệ môi trường nước)...

Chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của Nhà nước vẫn luôn tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh vì môi trường của Công ty, vì thế Công ty luôn nghiêm túc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định pháp luật, tuân thủ các quy định của cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì, đảm bảo tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Tình hình biến đổi khí hậu, nguồn nước mặt bị ô nhiễm từ việc trồng trọt, nuôi trồng thủy sản và hoạt động của các khu công nghiệp... đang làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng và an toàn nguồn nước, tăng chi phí xử lý. Bên cạnh đó, tình hình thời tiết vẫn diễn biến khá phức tạp, nguy cơ thiếu nước, sạt lở trên đôi bờ sông Tiền, sông Hậu và nguy cơ xâm nhập mặn tại Đồng Tháp có thể xảy ra. Nếu xâm nhập mặn xảy ra, khả năng sẽ gây thiệt hại rất lớn, chính vì vậy, Công ty luôn nâng cao công tác phòng, chống xâm nhập mặn, xây dựng kịch bản để chủ động ứng phó, nhất là việc bảo vệ các công trình thủy lợi chống triều cường hạn chế ảnh hưởng đến việc khai thác nguồn nước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân.

RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Công ty hiện đang đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn với một số chi phí đầu vào liên tục tăng (như chi phí vận chuyển, nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư ngành nước, hoá chất chuyên dụng...) và phát sinh thêm nhiều chi phí sản xuất khác cần thực hiện (như xử lý độ cứng, tăng khấu hao do tăng tài sản, xét nghiệm nước theo tiêu chuẩn mới,...). Để góp phần tiết kiệm chi phí, đảm bảo cho việc kinh doanh được thuận lợi hơn, Dowasen luôn ưu tiên ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công tác quản lý chất lượng nước, cố gắng vận hành với chi phí thấp nhưng hiệu quả cao và bền vững.

RỦI RO KHUNG GIÁ ĐẦU RA

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC

Trong lĩnh vực cấp nước, vấn đề xảy ra thất thoát nước là không thể tránh khỏi do các yếu tố khách quan như công tác triển khai các dự án sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị làm tăng nguy cơ bể đường ống cấp nước, gây thất thoát nước của Công ty, chất lượng mạng lưới, đồng hồ các trạm cấp nước nông thôn mới tiếp nhận không tốt, thiếu nhân lực và một phần do kỹ thuật dò tìm điểm rò rỉ chưa chuẩn xác khiến cho tỷ lệ này chưa thể kéo giảm như kỳ vọng. Công ty phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước, xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa mạng lưới cấp nước và thay thế đồng hồ hợp lý sao cho phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Đối với lĩnh vực như thu gom, vận chuyển rác, xây lắp công trình đang phải đấu thầu cạnh tranh gay gắt với nhiều tổ chức kinh tế tư nhân trong và ngoài Tỉnh.

Đối với nhân sự, tuy số lượng lớn nhưng trình độ thấp, chủ yếu là lao động phổ thông, công ty cố gắng đảm bảo việc làm, đảm bảo đời sống và thu nhập của người lao động.

Từ đó, ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh của Công ty. Đối với những rủi ro bất khả kháng, Công ty luôn đề cao cảnh giác, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, mua bảo hiểm tài sản cần thiết tránh những tổn thất không đáng có, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục.





2

TÌNH HÌNH

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 28. Tổ chức và nhân sự
- 34. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 36. Tình hình tài chính
- 40. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 42. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2022

CƠ CẤU DOANH THU

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu bán hàng hóa	2.903	0,76%	3.375	0,81%	472	16,26%
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	281.131	73,58%	304.523	72,94%	23.392	8,32%
Doanh thu nước đóng chai	7.693	2,01%	9.681	2,32%	1.988	25,84%
Doanh thu xây lắp	16.091	4,21%	10.541	2,52%	(5.550)	(34,49%)
Doanh thu dịch vụ thu gom rác	66.645	17,44%	79.995	19,16%	13.350	20,03%
Doanh thu dịch vụ khác	7.613	1,99%	9.370	2,24%	1.757	23,08%
Tổng cộng	382.077	100,00%	417.485	100,00%	35.408	9,27%

Trong năm 2022, tình hình kinh tế phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, các hoạt động văn hoá - xã hội trở lại bình thường, các doanh nghiệp và hộ kinh doanh đẩy mạnh sản xuất, vì thế nhu cầu sử dụng nước sạch trong sản xuất và sinh hoạt của người dân tăng lên đáng kể. Theo đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2022 đạt 417.485 triệu đồng, tăng 35.408 triệu đồng, tương đương với mức tăng 9,27% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu doanh thu của Công ty vẫn duy trì ổn định như các năm trước với nguồn doanh thu chính từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt, cụ thể như sau:

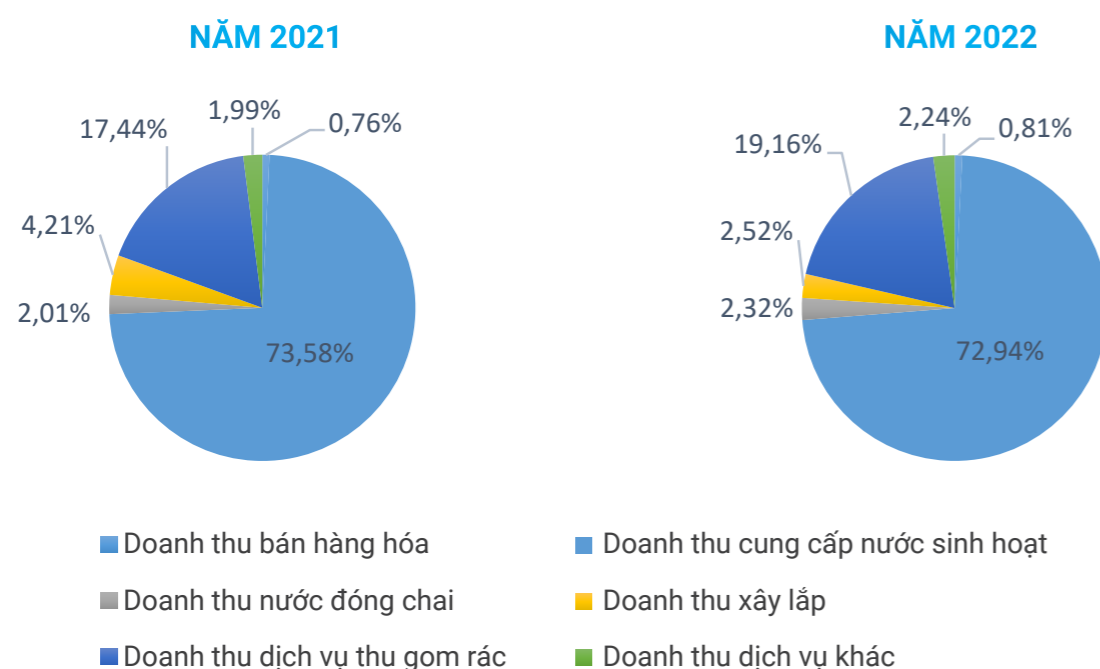
Với sự gia tăng lượng khách hàng (tăng trên 10.000 khách hàng so với năm 2021), doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt chiếm tỷ trọng 72,94% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty, đạt hơn 304.523 triệu đồng tương đương với mức tăng 8,32% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu từ dịch vụ thu gom rác chiếm tỷ trọng 19,16% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty, đạt hơn 79.995 triệu đồng tương đương với mức tăng 20,03% so với năm trước, nhờ vào sự gia tăng lượng khách hàng (tăng trên 9.000 khách hàng so với năm 2021), đây là hoạt động chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong cơ cấu doanh thu.

Các lĩnh vực tuy chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu doanh thu của Công ty nhưng có sự tăng trưởng như hoạt động kinh doanh nước đóng chai, hoạt động bán hàng hoá và cung cấp các dịch vụ khác liên quan khi lần lượt tăng 25,84%, 16,26% và 23,08% so với cùng kỳ năm trước; nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã phát triển thêm nhiều khách hàng ở các địa phương trên địa bàn Tỉnh.

Bên cạnh đó, Công ty chỉ ghi nhận mức giảm đến từ hoạt động xây lắp khi giảm 5.550 triệu đồng tương đương giảm 34,49% so với cùng kỳ, do các dự án đã lần lượt hoàn thành và ít phát sinh dự án mới.

Nhìn chung, sự tăng trưởng doanh thu trong năm 2022 vẫn cho thấy tín hiệu tích cực trong hoạt động kinh doanh và là kết quả của nỗ lực mở rộng địa bàn phục vụ kịp thời nhu cầu của khách hàng trong hoạt động cấp nước và thu gom rác thải của Công ty.





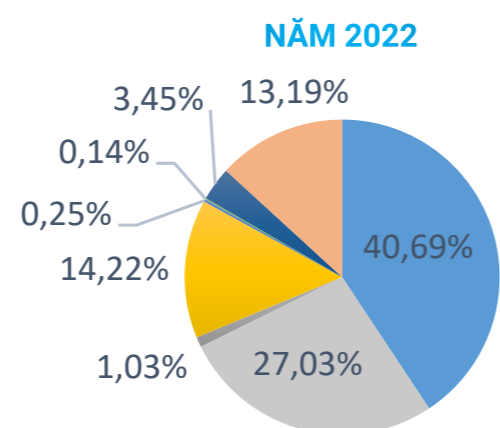
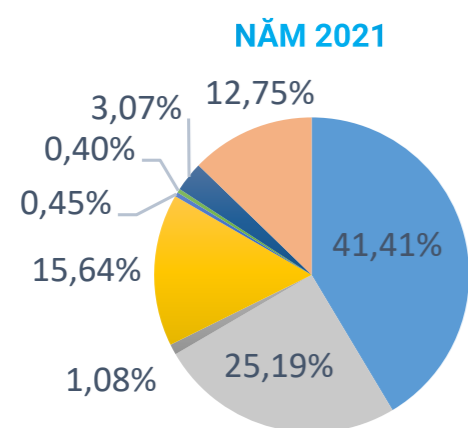
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2022

CƠ CẤU CHI PHÍ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Chi phí nhân công	143.247	41,41%	153.621	40,69%	10.374	7,24%
Chi phí nguyên vật liệu	87.142	25,19%	102.057	27,03%	14.915	17,12%
Chi phí công cụ dụng cụ	3.735	1,08%	3.881	1,03%	146	3,91%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.090	15,64%	53.705	14,22%	(385)	(0,71%)
Thuế, phí và lệ phí	1.547	0,45%	940	0,25%	(607)	(39,24%)
Hoàn nhập/bổ sung chi phí dự phòng	1.394	0,40%	512	0,14%	(882)	(63,27%)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.612	3,07%	13.036	3,45%	2.424	22,84%
Chi phí bằng tiền khác	44.117	12,75%	49.801	13,19%	5.684	12,88%
Tổng cộng	345.884	100,00%	377.553	100,00%	31.669	9,16%



- Chi phí nhân công
- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí công cụ dụng cụ
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Thuế, phí và lệ phí
- Hoàn nhập/bổ sung chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Trong năm 2022, tổng chi phí sản xuất kinh doanh là 377.553 triệu đồng, tăng 9,16% so với năm 2021; cụ thể:

- » Với số lượng 742 cán bộ công nhân viên, chi phí nhân công có tỷ trọng cao nhất với 40,69% tổng chi phí, tăng 7,24% so với cùng kỳ năm trước. Việc gia tăng thu nhập tạo thêm phúc lợi cho nhân viên sẽ mang lại lợi ích tốt hơn cho Công ty, vì thế sự gia tăng chi phí nhân công này không gây ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động của Công ty.
- » Chi phí nguyên vật liệu tăng 17,12%, tương đương tăng 14.915 triệu đồng, chủ yếu đến từ sự gia tăng chi phí vật liệu, bao bì với mức tăng 17,17% so với cùng kỳ.
- » Bên cạnh đó, sự gia tăng chi phí bằng tiền khác và chi phí dịch vụ mua ngoài cũng chiếm 25,60% trên tổng giá trị chi phí gia tăng.
- » Mặt khác, với nỗ lực kiểm soát chi phí của Công ty, tổng chi phí giảm trong năm là 1.874 triệu đồng, bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định trong giảm 385 triệu đồng, thuế, phí và lệ phí giảm 607 triệu đồng và hoàn nhập chi phí dự phòng giảm 822 triệu đồng.

Nhìn chung, các yếu tố cấu thành nên chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 vẫn được duy trì tỷ trọng ổn định, tuy nhiên, Công ty cần tích cực thực hiện các biện pháp để tối ưu chi phí như tiết giảm chi phí nguyên vật liệu bằng cách tìm nguồn cung cấp giá rẻ hơn, hay gia tăng hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu và áp dụng công nghệ mới giúp giảm lãng phí nguyên vật liệu. Ngoài ra, việc kiểm soát chi phí nhân công thông qua việc tăng năng suất lao động hay cải tiến quy trình sản xuất cũng là các giải pháp hợp lý để có thể góp phần gia tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	TH 2022/ TH 2021	TH 2022/ KH 2022
Tổng doanh thu và thu nhập khác	389.162	416.800	420.269	107,99%	100,83%
Lợi nhuận trước thuế	37.084	37.800	41.634	112,27%	110,14%
Lợi nhuận sau thuế	32.007	29.500	36.435	113,83%	123,51%

Mặc dù chi phí đầu vào tăng cao hơn so với năm trước, nhưng với sự nỗ lực giảm thiểu tác động của các yếu tố bên ngoài, Công ty đã duy trì được hiệu quả kinh doanh cao. Tình hình kinh doanh thuận lợi do nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và thu gom rác thải của người dân tăng cao, nên các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đều tăng so với năm trước và vượt kế hoạch mà ĐHCĐ đã đề ra.

Cụ thể, tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 420.269 triệu đồng, xuất sắc hoàn thành 100,83% so với kế hoạch, lợi nhuận trước và sau thuế được ghi nhận lần lượt là 41.634 triệu đồng và 36.435 triệu đồng, đạt 110,14% và 123,51% chỉ tiêu kế hoạch. Với kết quả này, Công ty đảm bảo được khả năng sản xuất kinh doanh ổn định và tăng trưởng đều qua từng năm, đồng thời củng cố được khả năng hoạt động liên tục của Công ty trước tình hình nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn hiện tại.





DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Trần Văn Tấn	Tổng Giám đốc	6.433.800	24,82%
2	Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc	2.271.140	8,76%
3	Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	2.226.540	8,59%
4	Ông Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	34.100	0,13%

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN THƯỢNG VŨ

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1966
- Nơi sinh: Lạng Sơn
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ hóa học (Thực phẩm)

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1999 - 03/2003	Công ty Cấp nước Đồng Tháp	Trưởng Phòng Kỹ thuật
01/2014 - 03/2015	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Đảng ủy viên, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Công ty 1, Phó Tổng Giám đốc
07/2015 - 03/2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Bí Thư Đảng Ủy - Phó Tổng Giám đốc
03/2017 - 04/2017	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Bí Thư Đảng Ủy - Thành viên Hội đồng quản trị
04/2017 - 06/2020	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Bí Thư Đảng Ủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
06/2020 đến nay	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần năm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu:	Số lượng cổ phần	Chức vụ	Tỷ lệ
Số lượng cổ phần sở hữu:	2.271.140	cổ phần, chiếm tỷ lệ	8,76 %
Sở hữu cá nhân	52.600	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,20 %
Sở hữu đại diện	2.218.540	cổ phần, chiếm tỷ lệ	8,56 %
Sở hữu của người có liên quan	42.500	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,17 %

ÔNG TRẦN VĂN TẤN

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1972
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1997 - 08/1999	Công ty Xây dựng số 8 - Tổng Công ty Xây dựng số 1	Cán bộ kỹ thuật thi công
09/1999 - 01/2001	Ban QLDA ngành Xây dựng - Sở XD Đồng Tháp	Cán bộ kỹ thuật Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
01/2001 - 12/2002	Ban QLDA ngành Xây dựng - Sở XD Đồng Tháp	Phó trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
12/2002 - 08/2007	Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp	Chuyên viên nghiên cứu khối XD/CB
08/2007 - 06/2011	Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp	Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu
06/2011 - 09/2014	Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp	Trưởng Phòng Kinh tế ngành
09/2014 - 08/2019	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp	Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ Văn phòng, Phó Trưởng Ban Quản lý
08/2019 - 08/2021	Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp	Đảng ủy viên, Phó Giám đốc
09/2021 - 09/2021	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Người đại diện phần vốn Nhà nước
01/2021 đến nay	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần năm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu:	Số lượng cổ phần	Chức vụ	Tỷ lệ
Số lượng cổ phần sở hữu:	6.433.800	cổ phần, chiếm tỷ lệ	24,82 %
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %
Sở hữu đại diện	6.433.800	cổ phần, chiếm tỷ lệ	24,82 %
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN ANH DŨNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1965
- Nơi sinh: Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tổng hợp

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2015 - 03/2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Phó Tổng Giám đốc
03/2017 - 04/2017	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Thành viên HĐQT
04/2017 đến nay	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu:		Cổ phần, chiếm tỷ lệ		
Sở hữu cá nhân	2.226.540	8.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,03 %
Sở hữu đại diện	2.218.540	50.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,19 %
Sở hữu của người có liên quan				

ÔNG HOÀNG QUỐC HƯNG

Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính

- Năm sinh: 1970
- Nơi sinh: Nam Định
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1990 - 08/1996	Trung tâm Dịch vụ Du lịch Cao Lãnh	Nhân viên
09/1996 - 03/2003	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Kế toán viên, phụ trách kế toán tại đơn vị trực thuộc
04/2003 - 12/2008	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Kế toán viên Phòng Tài vụ
01/2009 - 04/2019	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Phó Trưởng Phòng Tài chính
05/2019 đến nay	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu:		Cổ phần, chiếm tỷ lệ		
Sở hữu cá nhân	34.100	31.900	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,12 %
Sở hữu đại diện	0	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %
Sở hữu của người có liên quan	2.200		cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,01 %

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Không thay đổi

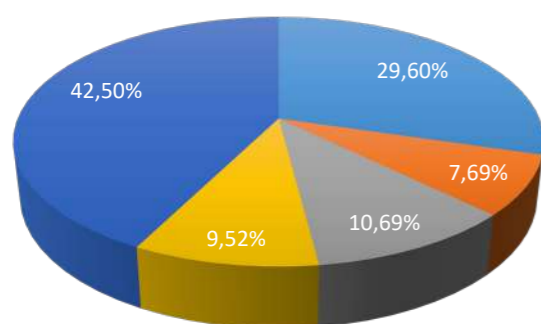




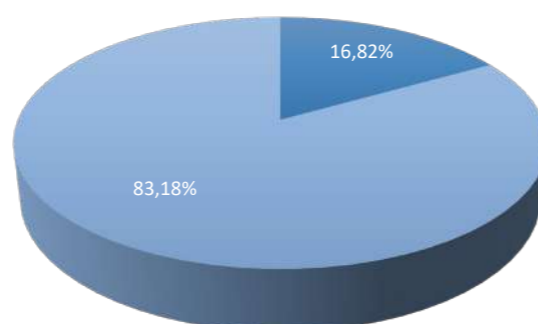
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ lao động	767	100,00%
1	Trên đại học, đại học	227	29,60%
2	Cao đẳng	59	7,69%
3	Trung cấp	82	10,69%
4	Công nhân kỹ thuật	73	9,52%
5	Lao động phổ thông	326	42,50%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	767	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	129	16,82%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	638	83,18%
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
C	Theo giới tính	767	100,00%
1	Nam	589	76,79%
2	Nữ	178	23,21%

THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

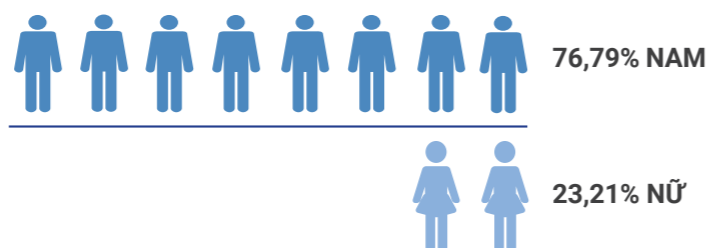


THEO TÍNH CHẤT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



■ Trên đại học, đại học ■ Cao đẳng ■ Trung cấp ■ Hợp đồng có xác định thời hạn ■ Hợp đồng không xác định thời hạn
■ Công nhân kỹ thuật ■ Lao động phổ thông

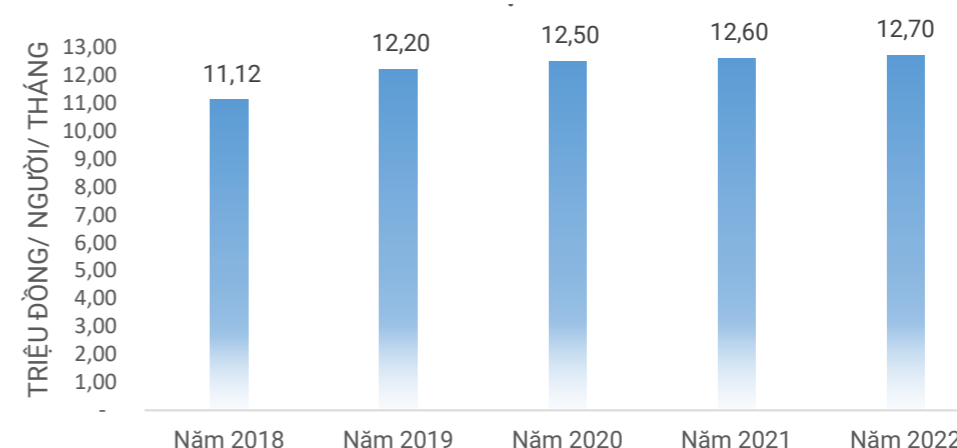
THEO GIỚI TÍNH



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	692	697	718	745	767
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,12	12,20	12,50	12,60	12,70

Thu nhập bình quân của người lao động trong giai đoạn 2018 - 2022



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

CÔNG TÁC TỔ CHỨC

Tiếp tục tái cơ cấu toàn diện Công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, rà soát lại các hoạt động kinh doanh của Công ty ở từng sản phẩm, dịch vụ để có định hướng tập trung đầu tư và phát triển những hoạt động mang lại lợi nhuận cao, đồng thời giảm bớt các hoạt động kinh doanh không hiệu quả mang lại gánh nặng tài chính cho Công ty.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Tiếp tục triển khai các khóa tập huấn, đào tạo cho một số bộ phận nhằm hỗ trợ cho công tác tái cơ cấu, sắp xếp bộ máy nhân sự, đồng thời nâng cao tay nghề, kỹ năng phục vụ công việc, nhằm nâng cao chất lượng người lao động, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, chỉ đạo việc xây dựng, hoàn chỉnh và trình Hội đồng quản trị thông qua, cũng như tổ chức triển khai thực hiện "Phương án nâng cao năng lực, hiệu quả công việc của người lao động trong Công ty".

CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Tiếp tục thực hiện công tác đánh giá hiệu quả công việc, đánh giá nhân sự, tiếp tục phát triển Văn hóa Dowasen cho người lao động Công ty. Quy trình tuyển dụng được diễn ra chặt chẽ, công bằng, công khai và minh bạch đáp ứng đầy đủ yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như năng lực phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

CÔNG TÁC TIỀN LƯƠNG

Điều chỉnh mức lương cán bộ, người lao động theo năng suất, hiệu quả công việc, duy trì việc trả lương đầy đủ, đúng hạn cho cán bộ nhân viên. Xây dựng các chính sách khen thưởng kịp thời và có tác dụng động viên người lao động phát huy thế mạnh và có đóng góp nhiều hơn cho Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN:



Công ty đầu tư phát triển với tổng mức đầu tư là 120.500 triệu đồng , cụ thể qua từng lĩnh vực:

01

Lĩnh vực cấp nước

Xây dựng, cải tạo nâng cấp công trình nguồn là 45.000 triệu đồng bao gồm xây dựng nhà máy nước mặt Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn giai đoạn 1, nhà máy nước mặt Trường Xuân, nhà máy nước mặt Long Thắng, nâng công suất nhà máy nước Tràm Chim.

Tuyến ống cấp nước cho các chi nhánh cấp nước Đông Bắc Sông Tiền, Nam Sông Tiền và Tây Bắc Sông Tiền (chủ yếu là phục vụ nhu cầu cấp bách của người dân, theo yêu cầu của chính quyền địa phương) khoảng 72.600 triệu đồng.

02

Lĩnh vực môi trường

Mua mới 02 xe ép rác, tổng số tiền dự kiến là 2.900 triệu đồng.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT :Không có

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty có một khoản đầu tư tài chính tại CTCP Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường - WASE với số tiền là 84.040.000 đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 1,25% vốn điều lệ, cổ tức nhận bình quân hằng năm khoảng 20.000.000 đồng.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

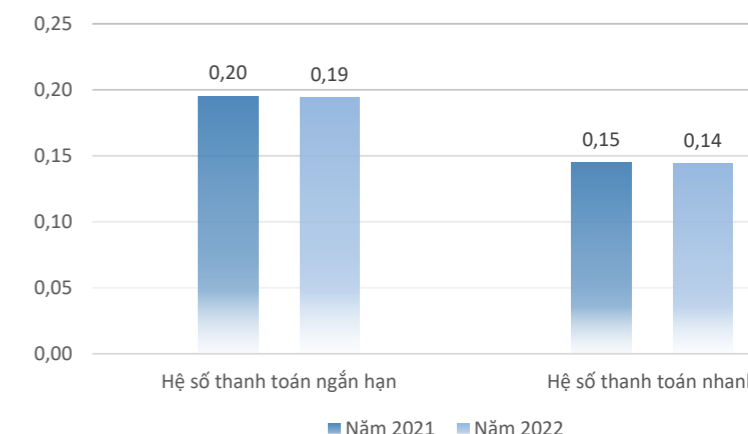
STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.047.984	1.071.754	2,27%
2	Doanh thu thuần	382.077	417.188	9,19%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.846	39.466	27,95%
4	Lợi nhuận khác	6.238	2.167	(65,26%)
5	Lợi nhuận trước thuế	37.084	41.634	12,27%
6	Lợi nhuận sau thuế	32.007	36.435	13,83%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,20	0,19
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,15	0,14
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,58	68,94
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	228,70	222,01
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	9,61	9,15
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,76	9,69
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	8,38	8,73
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	10,25	11,18
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,08	3,44
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần (LN HĐSXKD/ DTT)	%	8,07	9,46

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Tại thời điểm cuối năm 2022, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Dowasen hầu như không có nhiều thay đổi so với giá trị của các chỉ tiêu trong năm 2021, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 0,19 lần và sau khi loại bỏ hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác thì hệ số thanh toán nhanh đạt 0,14 lần, cả hai chỉ tiêu đều được duy trì và chỉ giảm 0,01 lần so với năm trước, chủ yếu là do sự tăng lên không đồng đều giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn, cụ thể:



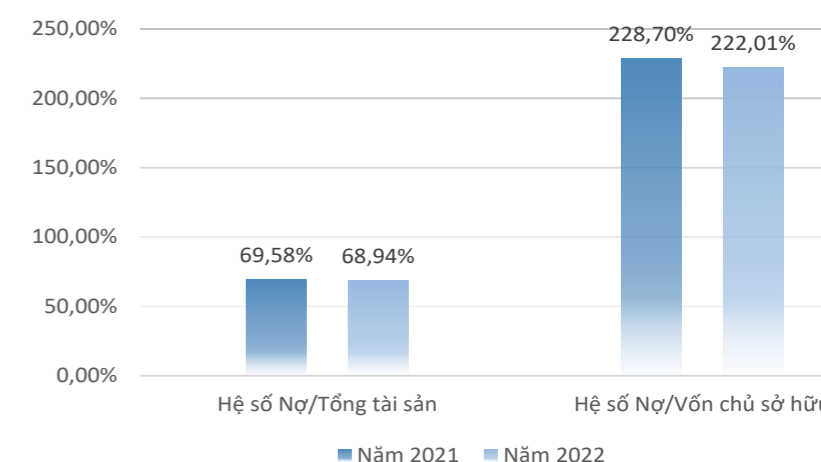
Tài sản ngắn hạn năm 2022 tăng 2.522 triệu đồng (tăng 2,16%) so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ vào sự tăng lên của khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đến từ việc đầu tư tiền gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng giá trị là 10.000 triệu đồng. Mặt khác, nợ ngắn hạn trong năm 2022 cũng tăng 2,86% tương ứng tăng 17.083 triệu đồng, trong đó việc tăng 9.064 triệu đồng từ khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đã chiếm hơn 53,06% trên tổng mức tăng nợ ngắn hạn năm 2022, từ đó dẫn đến các chỉ tiêu thanh toán của Công ty đều ở mức thấp và giảm nhẹ so với năm 2021.

Để có thể cải thiện khả năng thanh toán, Công ty cần tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh, tăng doanh thu đến từ các lĩnh vực hiện có, để có thể tạo đủ nguồn tiền đáp ứng cho việc thanh toán nợ đến hạn, đồng thời Công ty cũng nên cân nhắc giảm mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính, tránh rủi ro kiệt quệ dẫn đến mất thanh khoản, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong quá trình huy động và sử dụng nguồn vốn vay, Công ty đã luôn cân nhắc kỹ lưỡng nhằm mang lại hiệu quả sử dụng vốn tốt nhất và giảm thiểu được rủi ro kiệt quệ tài chính. Tính đến thời điểm cuối năm 2022, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đã giảm nhẹ so với năm trước.

Trong năm 2022, Công ty ghi nhận mức tăng 1,34% (tương đương 9.761 triệu đồng) đối với tổng nợ phải trả và mức tăng 4,39% (tương đương 14.009 triệu đồng) đối với vốn chủ sở hữu. Trong khi đó, tổng tài sản cũng ghi nhận mức tăng 2,27% (tương đương 23.770 triệu đồng). Theo đó, sự tăng trưởng không đồng đều giữa các khoản mục khiến cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng giảm so với năm 2021.



Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 69,58% xuống 68,94% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 228,70% xuống 222,01%. Qua đó cho thấy, Công ty đã cân nhắc sử dụng nợ một cách thận trọng hơn, nhằm đảm bảo tình hình tài chính của Công ty luôn lành mạnh, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả tối ưu.



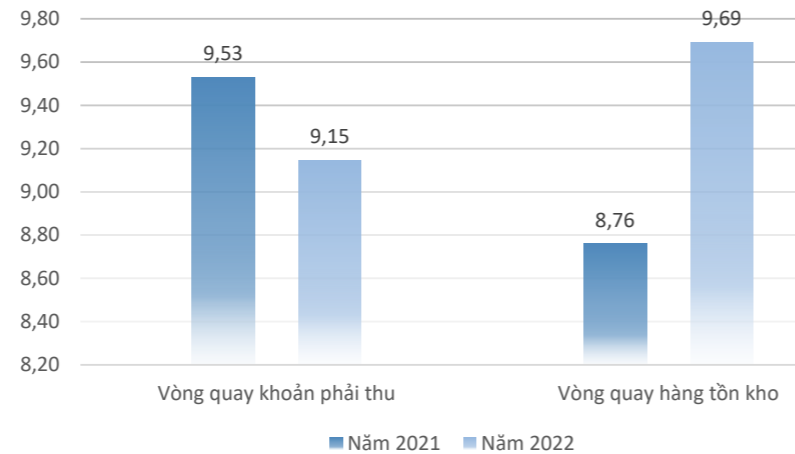
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2022 duy trì ổn định và có chuyển biến tích cực hơn so với năm 2021. Cụ thể:

- Vòng quay khoản phải thu giảm 0,38 vòng khi từ 9,53 vòng xuống còn 9,15 vòng cho thấy tốc độ thu hồi khoản phải thu khách hàng có xu hướng chậm hơn năm trước. Tại thời điểm cuối năm 2022, các khoản phải thu khách hàng tuy có giảm 2,22% so với năm 2021, nhưng bình quân khoản phải thu khách hàng ngắn hạn của Công ty năm 2021 và năm 2022 lại cao hơn so với cùng kỳ, khi ghi nhận 45.613 triệu đồng và chiếm 10,93% doanh thu thuần năm 2022, điều này đã tác động tiêu cực đến khả năng luân chuyển vốn Công ty. Vì thế, Công ty luôn cần phải nỗ lực quản trị tốt khoản phải thu nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro nợ xấu và tăng tính thanh khoản, từ đó đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh và tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Vòng quay hàng tồn kho trong năm đạt 9,69 vòng, tăng 0,93 vòng so với mức 8,76 vòng của năm 2021 cho thấy hoạt động luân chuyển hàng tồn kho của Công ty có xu hướng nhanh hơn năm trước. Nguyên nhân xuất phát từ việc giá vốn hàng bán năm 2022 ghi nhận mức tăng 15.218 triệu đồng, tăng 5,49% so với cùng kỳ năm trước, do chi phí phát sinh từ việc mở rộng địa bàn kinh doanh bao gồm các chi phí như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí vật tư chi phí tài chính và chi phí quản lý đều tăng theo sự tăng trưởng của doanh thu nhưng với tỷ lệ tăng thấp hơn. Đồng thời hàng tồn kho bình quân giảm 4,65% tương ứng giảm 1.470 triệu đồng (chủ yếu do chênh lệch giá trị hàng tồn kho giữa năm 2022 và năm 2020).

Từ đây, có thể thấy được hoạt động sản xuất kinh doanh của Dowasen đang tăng trưởng khá tốt, công tác quản trị hàng tồn kho cho thấy sự hiệu quả đáng kể, kỳ vọng trong tương lai, các khoản phải thu khách hàng sẽ tiếp tục giảm, thời gian thu tiền bán hàng sẽ càng ngắn, từ đó giúp cải thiện tốt hơn hệ số vòng quay khoản phải thu.

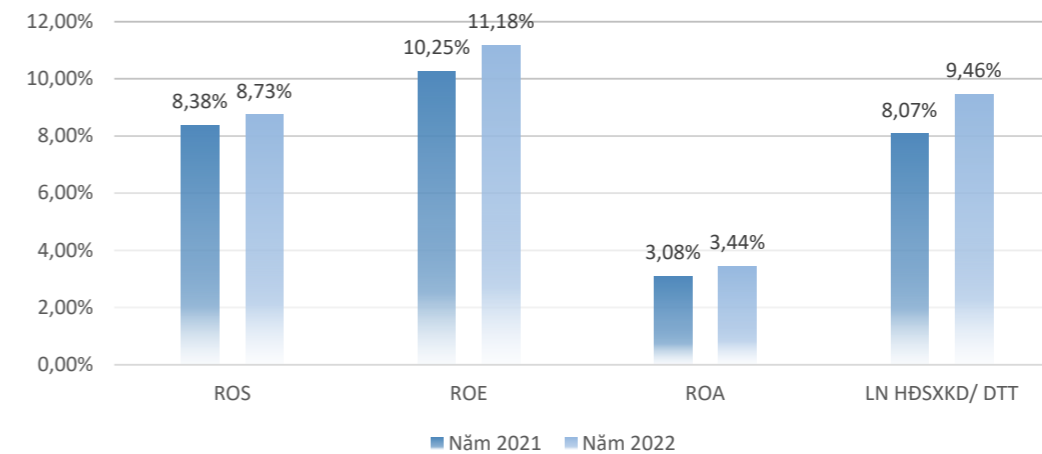


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2022, lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đã tăng trưởng mạnh mẽ với mức tăng lần lượt là 4.428 triệu đồng và 8.620 triệu đồng, tương ứng với mức tăng 13,83% đối với lợi nhuận sau thuế và 27,95% đối với lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, vì thế tất cả các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi của Công ty đều tăng so với năm 2021. Cụ thể:

Các chỉ số ROS, ROE, ROA, LN HỖSXKD/ DTT lần lượt tăng từ 8,38%; 10,25%; 3,08%; 8,07% trong năm 2021 lên mức 8,73%; 11,18%; 3,44% và 9,46% trong năm 2022, cho thấy Công ty đang có triển vọng tăng trưởng lớn trong tương lai. Ngoài ra, trong những năm gần đây, Công ty luôn tích cực phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi, không ngừng đầu tư mở rộng đầu tư các công trình tuyến ống và dự án cấp thoát nước.

Cùng với sự tăng trưởng về tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và tổng doanh thu, việc Công ty tích cực kiểm soát hiệu quả các khoản chi phí phát sinh cũng là một trong những động lực để đạt được kết quả đầy ấn tượng này. Từ đó cho thấy Ban lãnh đạo Dowasen đã tập trung mọi nguồn lực để phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, đây là động lực lớn để hoạt động kinh doanh của Công ty có thể phát triển hơn nữa trong tương lai.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Số vốn tăng/giảm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
1	26/04/2017	-	355.575.500.000		Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/9/2006, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 26/04/2017.
2	30/06/2018	(96.394.197.809)	259.181.300.000	Điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hoá	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2018.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ :Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC :Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1	22.185.480	221.855	85,60%
II	Cổ đông trong nước	571	3.732.650	37.326	14,40%
1	Cá nhân	569	3.731.450	37.314	14,39%
2	Tổ chức	2	1.200	12	0,01%
III	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cá nhân	0	0	0	0
2	Tổ chức	0	0	0	0
Tổng cộng:		572	25.918.130	259.181	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa :0% (Tính tại ngày 31/12/2022)

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	UBND Tỉnh Đồng Tháp	Số 12 đường 30/4, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	22.185.480	85,60%





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Để đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT, Công ty xử lý nước bằng phương pháp khử trùng nước bằng Clo và các hợp chất khác, ngoài ra cần một lượng Clo dư tồn tại trong nước để bảo đảm chất lượng nước không bị nhiễm vi sinh trong quá trình vận chuyển trên mạng lưới cấp nước. Hoá chất chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí nguyên vật liệu sản xuất, vì thế cần sử dụng hiệu quả nguyên liệu đầu vào, định mức sử dụng tỷ lệ hóa chất tối ưu để tối thiểu chi phí, đảm bảo lợi nhuận của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm lựa chọn đối tác cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy nhằm giảm thiểu rủi ro mua phải hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty tiêu thụ chủ yếu là điện năng dùng trong việc vận hành các hệ thống xử lý nước, máy bơm, cung cấp điện chiếu sáng cho khu vực nhà máy, văn phòng,... Tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất nhằm giảm chi phí sản xuất, tối đa lợi nhuận là mục tiêu mà Công ty luôn hướng đến, do đó, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo kỹ năng sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

Tổng chi phí điện sử dụng trong năm 2022 là 35.995.465.191 đồng, trong đó:

- Điện sản xuất: 35.439.697.384 đồng
- Điện ánh sáng: 555.767.807 đồng.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước vừa là đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của Công ty, việc tái sử dụng hiệu quả nguồn nước trong sản xuất dành cho những hoạt động khác được Công ty triển khai hiệu quả thông qua các thiết bị hiện đại, đường ống thiết kế chuyên dụng. Thường xuyên kiểm tra, tu sửa đường ống giảm nguy cơ thất thoát nước do rò rỉ, xì bể, va đập,... Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường nước, Công ty hiểu rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước, sử dụng tiết kiệm nhưng mang lại hiệu quả tối đa và luôn lấy điều này làm kim chỉ nam trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Công ty thực hiện nâng cấp nhà máy xử lý rác, mở rộng bãi rác Đập Đá và bãi rác Sa Đéc, phục vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, tăng cường khả năng xử lý chất thải rắn phát sinh đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường, hạn chế ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư, thiết kế che chắn kỹ lưỡng tránh gây ô nhiễm môi trường, cam kết không để xảy ra tình trạng bị xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường.

Công ty lập báo cáo đánh giá tác động môi trường mỗi năm nhằm đảm bảo công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra, các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền cũng thường xuyên đến để kiểm tra và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo vệ sinh và môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, quan tâm đến sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ nguồn nhân lực hiện có là trách nhiệm của Công ty, trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm sức khỏe phòng ngừa rủi ro mắc các bệnh nghề nghiệp, đồng thời triển khai thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và tham gia tốt công tác an sinh xã hội góp phần thúc đẩy động lực phát triển của mỗi cá nhân người lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty thực hiện tiếp nhận các trạm cấp nước theo yêu cầu của chính quyền địa phương, để giải quyết nhu cầu cấp thiết và thay đổi chất lượng sống người dân địa phương, đồng thời góp phần phát triển khách hàng, mở rộng địa bàn phục vụ, trợ giá nước cho hộ nghèo, cận nghèo. Ngoài ra, Công ty phối hợp với Tỉnh, chính quyền địa phương hỗ trợ công tác phòng, chống dịch, tham gia các hoạt động lễ hội, từng bước nâng cao độ nhận diện với người dân, góp phần quảng bá hình ảnh Công ty, tình nhà đến với người dân và du khách.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công ty hiện chưa có các hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh.





3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 46. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 48. Tình hình tài chính
- 52. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 52. Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 52. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 53. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022, tuy gặp không ít khó khăn nhưng với sự quan tâm, ủng hộ từ các cấp, các ngành trong Tỉnh, cùng với sự đồng lòng của tập thể lãnh đạo và người lao động, Công ty đã cố gắng phấn đấu hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ được giao, từ đó mở ra cơ hội đầu tư phát triển các mạng lưới nhà máy sản xuất nước tập trung, đồng thời đẩy mạnh mở rộng mạng lưới khách hàng, nâng cao sản lượng tiêu thụ khi sở hữu định hướng phát triển đúng đắn và phù hợp của Ban lãnh đạo Công ty.



Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất của UBND Tỉnh Đồng Tháp, các sở ban ngành, chính quyền địa phương cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Được sự đồng hành cùng chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường và ích lợi của việc sử dụng nước sạch, tạo điều kiện để Công ty tiếp nhận thêm địa bàn thu gom rác thải, cũng như việc mở rộng mạng lưới cung cấp nước ở các khu vực vùng ven, vùng nông thôn. Từ đó góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn Tỉnh, góp phần tăng doanh thu của Công ty.

Đa số người lao động trong Công ty có nghiệp vụ chuyên môn tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết nội bộ, sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Do đặc thù về ngành nước nên thị trường ít cạnh tranh, đặc biệt ở các khu vực đô thị, vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực này ổn định và phát triển nhưng không tăng trưởng đột biến như các lĩnh vực khác.

Quá trình đẩy mạnh thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt đối với hoá đơn tiền nước và rác thải, qua việc mở rộng thêm nhiều kênh thanh toán liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán mọi lúc, mọi nơi góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí, quản lý khoản phải thu.



Khó khăn

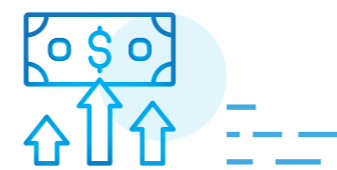
Thực hiện chủ trương chuyển đổi khai thác nguồn nước ngầm sang nguồn nước mặt, tại một số địa phương, gây khó khăn cho Công ty trong việc tìm được đất để đầu tư, xây dựng các nhà máy nước mặt thay thế cho nhà máy nước ngầm theo như kế hoạch đề ra. Ngoài ra, do nguồn nước mặt có nguy cơ bị ô nhiễm cao nên cần tăng chi phí xử lý để đảm bảo chất lượng nước cung cấp tốt nhất.

Nhu cầu sử dụng dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt mới của các hộ dân trong nội ô dần như bão hoà, vì vậy, để mở rộng mạng lưới kinh doanh cần đầu tư dự án mở rộng mạng lưới cấp nước ở khu vực nông thôn, vùng ven theo yêu cầu của chính quyền địa phương, tuy nhiên do mật độ dân cư vùng ven còn thấp, chi phí đầu tư lớn, nên hiệu quả chưa cao.

Hai bãi rác là Bãi rác Đập Đá và Bãi rác Sa Đéc mà Công ty đang sử dụng để chôn lấp lượng rác thải sinh hoạt lớn hiện đang quá tải và việc không có bãi rác dự phòng khiến cho quá trình đổ và xử lý rác thải tại bãi gặp nhiều khó khăn và tốn kém về chi phí.



Những tiến bộ công ty đã đạt được



Khách hàng sử dụng nước sinh hoạt tăng

(Hộ)

10.000

khách hàng sử dụng dịch vụ thu gom và vận chuyển rác tăng

9.000

Trong năm 2022, địa bàn kinh doanh được mở rộng chủ yếu phát triển khách hàng mới vùng nông thôn dẫn đến lượng khách hàng sử dụng nước sinh hoạt tăng 10.000 hộ và khách hàng sử dụng dịch vụ thu gom và vận chuyển rác tăng 9.000 hộ, cùng với việc nâng công suất một số nhà máy xử lý nước đã làm cho doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác tăng so với cùng kỳ. Ngoài ra doanh thu từ các hoạt động khác như: Doanh thu nước đóng chai, hoạt động hút hầm cầu, chăm sóc cây xanh tăng trưởng tốt, dẫn đến doanh thu tăng, góp phần gia tăng lợi nhuận sau thuế.





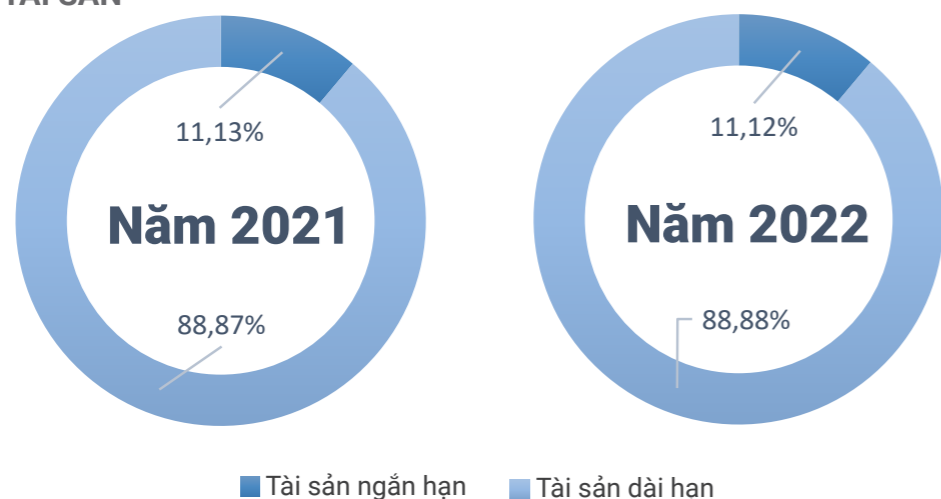
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	116.675	11,13%	119.197	11,12%	2.522	2,16%
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.102	28,37%	33.603	28,19%	501	1,51%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.500	6,43%	10.000	8,39%	2.500	33,33%
Các khoản phải thu ngắn hạn	46.124	39,53%	45.102	37,84%	(1.022)	(2,22%)
Hàng tồn kho	29.825	25,56%	30.492	25,58%	667	2,24%
Tài sản ngắn hạn khác	124	0,11%	-	-	(124)	(100,00%)
Tài sản dài hạn	931.309	88,87%	952.557	88,88%	21.248	2,28%
Tài sản cố định	443.912	47,67%	426.802	44,81%	(17.110)	(3,85%)
Tài sản dở dang dài hạn	471.061	50,58%	509.252	53,46%	38.191	8,11%
Đầu tư tài chính dài hạn	84	0,01%	84	0,01%	0	0,00%
Tài sản dài hạn khác	16.251	1,74%	16.419	1,72%	168	1,03%
Tổng tài sản	1.047.984	100,00%	1.071.754	100,00%	23.770	2,27%

Năm 2022, tổng tài sản của Công ty được ghi nhận đạt 1.071.754 triệu đồng, tăng 2,27% so với năm 2021. Xét về cơ cấu tổng tài sản, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 88,88%, cao hơn 77,76% so với tài sản ngắn hạn cho thấy định hướng phát triển của Công ty phù hợp với đặc điểm chung của ngành cấp nước vì cần nhiều công trình, dự án có quy mô lớn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CƠ CẤU TỔNG TÀI SẢN



TÀI SẢN NGẮN HẠN

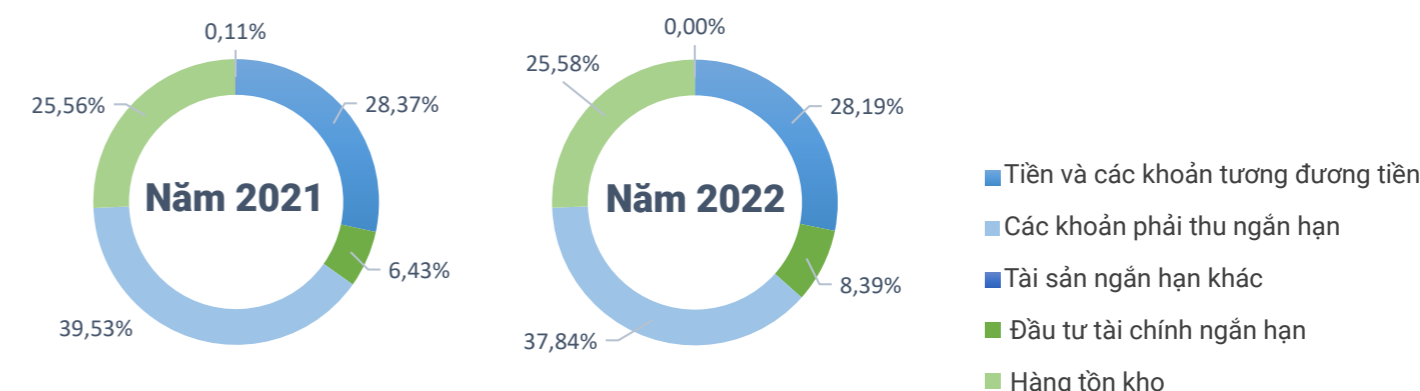
Tài sản ngắn hạn tăng từ 116.675 triệu đồng lên mức 119.197 triệu đồng, tương đương với mức tăng trưởng 2,16%. Tỷ trọng các khoản mục trong cơ cấu tài sản ngắn hạn vẫn được duy trì tốt trong năm 2022, trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho là các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn và đầu tư tài chính ngắn hạn chỉ chiếm 8.38% tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

Với hơn 10.816 triệu đồng giảm trong khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, Công ty cho thấy được khả năng quản trị khoản phải thu đang được cải thiện tốt hơn, ngoài ra việc triển khai thanh toán tiền nước và phí xử lý rác thải thông qua các phương tiện thanh toán điện tử cũng đã góp phần làm cho việc thanh toán của khách hàng trở nên dễ dàng thuận tiện hơn, từ đó Công ty giảm được các khoản phải thu, đồng thời cho thấy sự hiệu quả trong việc áp dụng chuyển đổi số cho hoạt động quản trị khoản phải thu của Công ty.

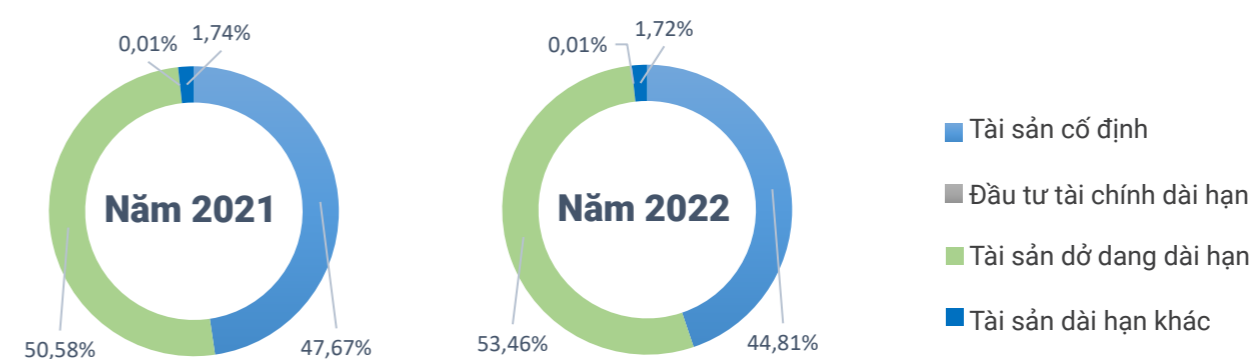
TÀI SẢN DÀI HẠN

Tài sản dài hạn tiếp tục được duy trì ở mức cao hơn khi chiếm 88,88% tổng tài sản, tương ứng 952.557 triệu đồng, tăng 21.248 triệu đồng (tương ứng với mức tăng 2,28%) so với năm trước, chủ yếu là do chi phí xây dựng dở dang tăng lên trong năm, với 38.191 triệu đồng đang được sử dụng để đầu tư cho các công trình tuyến ống và các dự án thoát nước trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp. Cùng với sự tăng trưởng của chi phí xây dựng cơ bản dở dang đó là sự sụt giảm của tài sản cố định, với việc giảm 17.110 triệu đồng do trong năm nguyên giá tài sản cố định tăng 37.110 triệu đồng dẫn đến khấu hao tăng 53.705 triệu đồng, vì thế tài sản cố định giảm 3.85%, đạt 426.802 triệu đồng tại thời điểm cuối năm 2022.

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN



CƠ CẤU TÀI SẢN DÀI HẠN





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

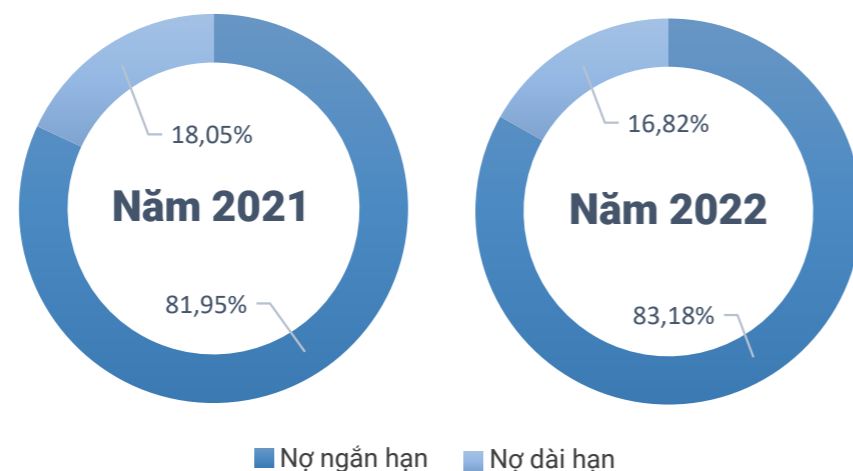
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	597.546	81,95%	614.629	83,18%	17.083	2,86%
Vay và nợ thuê tài chính	65.134	10,90%	74.198	12,07%	9.064	13,92%
Phải trả người bán	11.827	1,98%	15.606	2,54%	3.779	31,95%
Người mua trả tiền trước	697	0,12%	2.140	0,35%	1.443	207,03%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.305	1,06%	5.322	0,87%	(983)	(15,59%)
Phải trả người lao động	27.438	4,59%	31.858	5,18%	4.420	16,11%
Chi phí phải trả	7.761	1,30%	6.825	1,11%	(936)	(12,06%)
Phải trả ngắn hạn khác	478.353	80,05%	477.011	77,61%	(1.342)	(0,28%)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	47	0,01%	47	100,00%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30	0,01%	1.622	0,26%	1.592	5306,67%
Nợ dài hạn	131.613	18,05%	124.292	16,82%	(7.321)	(5,56%)
Phải trả dài hạn khác	27.282	20,73%	24.552	19,75%	(2.730)	(10,01%)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	94.341	71,68%	87.520	70,41%	(6.821)	(7,23%)
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	9.990	7,59%	12.220	9,83%	2.230	22,32%
Tổng nợ phải trả	729.159	100%	738.920	100,00%	9.761	1,34%

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ

Nhìn chung, trong năm 2022, Công ty tiếp tục tăng cường sử dụng nợ để tài trợ cho các hoạt động mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh khi tổng nợ phải trả tăng 9.761 triệu đồng, tăng 1,34% so với năm 2021. Các khoản mục trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty vẫn duy trì mức tỷ trọng cao, với 614.629 triệu đồng vốn được tài trợ bằng nợ ngắn hạn, chiếm tỷ trọng 83,18% trên tổng nợ phải trả của Công ty và tăng 17.083 triệu đồng (tương đương tăng 2,86%) so với năm 2021.



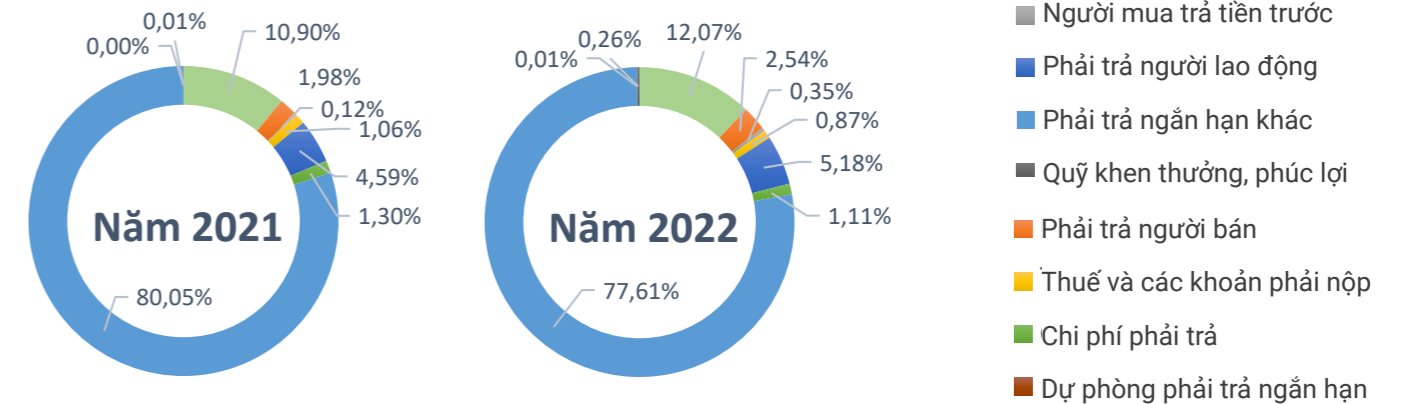
Ngược lại, nợ dài hạn giảm 5,56% so với năm trước, trong đó khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm 70,71%) trong cơ cấu nợ dài hạn và giảm 6.821 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước, có thể thấy rằng Công ty vẫn đang tiếp tục huy động vốn bằng việc vay ngắn hạn để tài trợ cho nguồn vốn lưu động, tuy nhiên điều này sẽ gây nên áp lực thanh khoản trong ngắn hạn đối với Công ty.

Trong năm vừa qua, sau khi Công ty tiếp tục vay nợ ngắn hạn 17.083 triệu đồng, khoản mục nợ ngắn hạn của Công ty đã chiếm tỷ trọng rất lớn, so với năm 2021 đã cho thấy nhiều biến động. Cụ thể, các khoản phải trả ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng cao nhất với 77,61% trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty, tuy nhiên khoản mục này đã giảm 1.342 triệu đồng (giảm 0,28%) so với năm trước đó, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng 12,07% trong cơ cấu nợ ngắn hạn, trong năm khoản mục này đã tăng 13,92%.

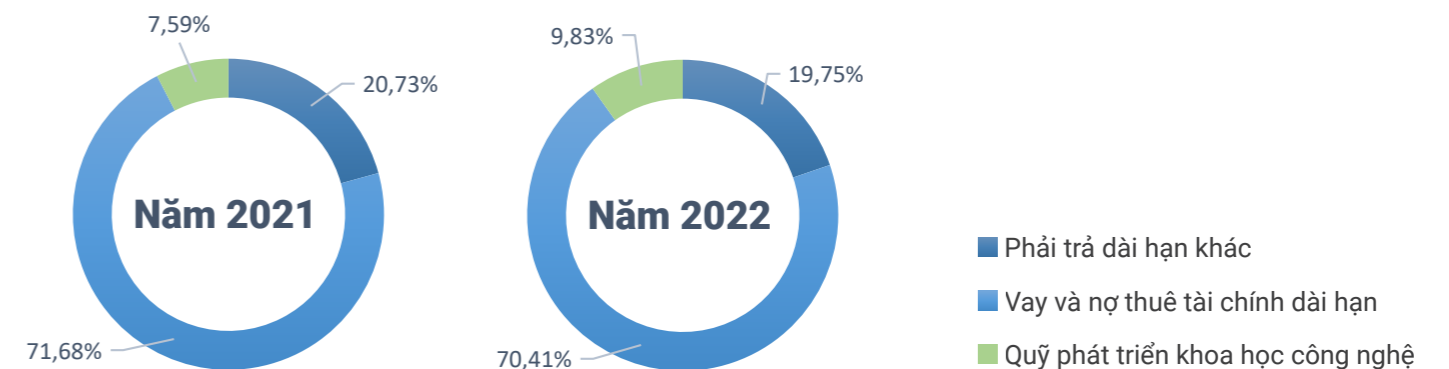
Các khoản mục có sự biến động nhiều nhất trong năm lần lượt là: quỹ khen thưởng, phúc lợi (tăng 5306,67%) đạt 1.622 triệu đồng, khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn (tăng 207,03%) đạt 2.140 triệu đồng, khoản phải trả người bán ngắn hạn (tăng 31,95%) đạt 15.606 triệu đồng, khoản phải trả người lao động (tăng 16,11%) đạt 31.858 triệu đồng.

Các khoản mục còn lại trong cơ cấu nợ ngắn hạn tuy có xuất hiện biến động giảm nhưng lại chiếm tỷ trọng không cao, vì vậy tác động giảm nợ ngắn hạn trong năm là rất thấp. Mặc dù mức độ sử dụng nợ là rất cao, nhưng Công ty vẫn đảm bảo có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng cho việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn, từ đó, đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CƠ CẤU NỢ NGẮN HẠN



CƠ CẤU NỢ DÀI HẠN





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức do nhận thấy được sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện bổ sung và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2022	KH năm 2023	% KH 2023/TH 2022
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	259.181	259.181	100,00%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)	417.485	448.000	107,31%
3	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	41.634	40.500	97,28%
4	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	36.435	34.800	95,51%
5	Nộp ngân sách Nhà nước (triệu đồng)	45.836	26.800	58,47%
6	Vốn chủ sở hữu bình quân (triệu đồng)	325.829	331.200	101,65%
7	ROE (%)	11,18	10,51	94,01%
8	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	5,90 (*)	5,80	101,75%
9	Thu nhập người lao động (người/tháng)	12,70	12,80	100,79%

(*) HĐQT thống nhất kiến nghị nội dung này tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư
1	Lĩnh vực cấp nước	60 tỷ đồng
2	Lĩnh vực môi trường	3,3 tỷ đồng



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn UHY đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

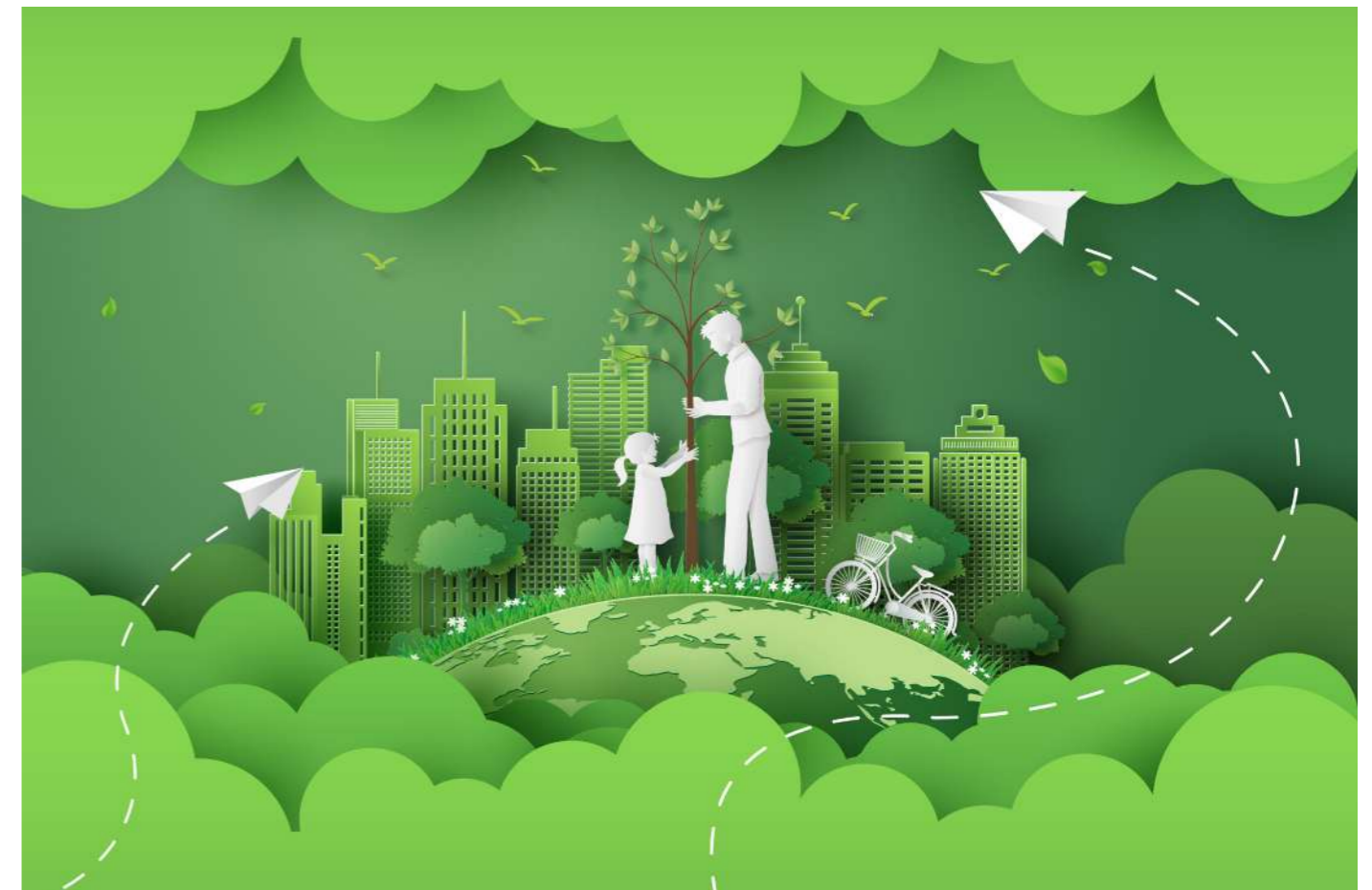
Việc thực hiện tiêu thụ và xử lý hợp lý các chỉ tiêu môi trường như điện, nước và hoạt động xử lý rác thải thu gom đã diễn ra đúng hoạch định, đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đang ngày càng hoàn thiện chính sách lương, thưởng, đãi ngộ, phúc lợi ổn định, phù hợp để tương xứng với sự đóng góp, tạo động lực làm việc cho người lao động đã gắn bó và đồng hành cùng Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn cam kết về điều kiện làm việc an toàn, văn minh và được chăm sóc sức khỏe, đảm bảo các quyền lợi của người lao động mà pháp luật quy định.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng chú trọng và quan tâm đến công tác xã hội, hỗ trợ cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp qua đó tạo nên những ảnh hưởng nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng. Nhận thức được điều này, Công ty luôn hoàn thành trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn hoạt động. Công ty cam kết tạo nên những giá trị cuộc sống trọn vẹn hơn thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển, tất cả vì cuộc sống cộng đồng.





4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 56. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 56. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 57. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2022, Công ty đã bảo toàn và phát triển được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định, trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định.

Ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn thực hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương. Cụ thể, Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội theo thời điểm do Liên đoàn Lao động tỉnh và Ủy ban mặt trận Tổ quốc kêu gọi ủng hộ, tổ chức xây dựng nhà tình thương, tặng học bổng cho học sinh nghèo, tham gia tài trợ các chương trình trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, mồ côi,...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Qua đánh giá, Tổng Giám đốc và tập thể Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT chấp hành các chính sách, pháp luật theo quy định của Nhà nước trong quản lý điều hành công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động, cũng như hiệu quả hoạt động của đơn vị Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tích cực chỉ đạo hoạt động quản trị doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHQĐ thông qua từng năm và cả giai đoạn, cân đối hài hòa giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.



Tích cực chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện và phối hợp thực hiện kế hoạch chuyển nguồn khai thác nước mặt thay thế nguồn nước ngầm để cung cấp nước cho người dân trên địa bàn theo đúng với lộ trình và các tiêu chí đề ra đến 2025, định hướng 2030 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của Công ty.



Tăng cường công tác dự báo, lập kế hoạch nhằm nâng cao năng lực quản trị tài chính của Công ty; công tác giám sát, phát triển nguồn vốn, quản lý tốt công nợ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và hiệu quả đầu tư.



Phối hợp công tác hoàn thiện tái cơ cấu toàn diện Công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, rà soát lại các hoạt động kinh doanh của Công ty ở từng sản phẩm, dịch vụ để có định hướng tập trung đầu tư và phát triển những hoạt động cốt lõi, mang ý nghĩa kinh tế - xã hội như là cấp nước và vệ sinh môi trường, đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác ở những lĩnh vực tiềm năng, có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính, mà pháp luật không cấm.





5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 60. Hội đồng quản trị
- 68. Ban kiểm soát
- 72. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Để	Chủ tịch HĐQT	11.372.300	43,87%
2	Ông Trần Văn Tấn	Thành viên HĐQT	6.433.800	24,82%
3	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	2.226.540	8,59%
4	Ông Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	2.271.140	8,76%

Giới thiệu Hội đồng quản trị

ÔNG NGUYỄN VĂN ĐỂ

Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1965
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2003 - 09/2005	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.	Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư
10/2005 - 04/2015	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.	Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư
05/2015 - 03/2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.	Phó Tổng Giám đốc
04/2017 - 09/2019	CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
10/2021 đến nay	CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần năm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu:	Số cổ phần, chiếm tỷ lệ	Tỷ lệ
Sở hữu cá nhân	57.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,22 %
Sở hữu đại diện	11.314.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ	43,66 %
Sở hữu của người có liên quan	10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,04 %

Chi tiết tại sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT xem thông tin sơ yếu lý lịch tại Phần 2 - Thông tin Ban điều hành.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022 :Không có

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy mô hoạt động, Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, các thành viên HĐQT cùng chỉ đạo và giám sát hoạt động theo năng lực chuyên môn của cá nhân với tinh thần và trách nhiệm cao nhất.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- HĐQT đã hoàn thành tốt cùng lúc nhiều vai trò (người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty đồng thời là thành viên HĐQT) vì thế luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt nghĩa vụ và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông và người lao động. Thực hiện giám sát, kiểm tra công tác quản lý, tuyển dụng, quy hoạch, bố trí sắp xếp, luân chuyển, điều động, đào tạo, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại nhân sự, người lao động theo Kế hoạch, đúng quy trình, quy định và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động điều hành và sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- HĐQT đã bám sát tình hình thực tế, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, phát huy tối đa công suất các nhà máy để sản xuất và cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn; quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của doanh nghiệp để đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân trên địa bàn Tỉnh.
- HĐQT chỉ đạo xuyên suốt việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hoá và chuyển đổi số trong quản lý vận hành hệ thống cấp nước, chăm sóc khách hàng xử lý công việc... Vì vậy, Công ty đã duy trì được sự ổn định cần thiết, phát huy được nguồn lực, thế mạnh sẵn có, hạn chế rủi ro, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả, chất lượng dịch vụ được nâng cao, doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng đều, ổn định qua từng năm.



Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Để	Chủ tịch HĐQT	29/29	100%
2	Ông Trần Văn Tấn	Thành viên HĐQT	29/29	100%
3	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	29/29	100%
4	Ông Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	29/29	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	70/NQ-HĐQT	11/01/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch sản xuất, kinh doanh - tài chính năm 2022; Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022; Kế hoạch cải tạo, sửa chữa năm 2022; Kế hoạch sử dụng lao động năm 2022; Chủ trương về việc mở rộng mạng lưới cấp nước ra vùng nông thôn; Chủ trương về việc vay vốn tại các tổ chức tín dụng; Chương trình công tác năm 2022; Chủ trương về việc điều chỉnh dự án Xây dựng trạm bơm tăng áp Tân Việt Hoà tại thành phố Cao Lãnh; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
2	71/NQ-HĐQT	14/02/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ trương điều chỉnh công trình Tuyến ống Ø168 đường HL An Hòa - Hòa Bình từ QL30 đến cuối tuyến dân cư ấp 4 xã An Hòa; Điều chỉnh kế hoạch mua sắm mới 01 xe ép rác; Chủ trương điều động và bổ nhiệm nhân sự của chi nhánh; Chủ trương bổ nhiệm lại nhân sự của Chi nhánh Dịch vụ Môi trường; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
3	72/NQ-HĐQT	25/02/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giao khoán một số chỉ tiêu, kế hoạch phấn đấu năm 2022 cho các chi nhánh; Ban hành tạm thời giá bán nước sạch qua đồng hồ tổng (bán sỉ/bán buôn) cho các cơ sở cấp nước nông thôn trên địa bàn Tỉnh; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
4	73/NQ-HĐQT	25/02/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Điều chỉnh về quy mô, địa điểm, thời điểm xây dựng một số dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp công trình nguồn và tuyến ống cấp nước năm 2021 - 2025; Chủ trương cho điều chỉnh khái toán tổng mức đầu tư các công trình thuộc Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
5	74/NQ-HĐQT	10/03/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ 2017-2021; Chủ trương cho trang bị mới 01 máy phát điện dự phòng; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	75/NQ-HĐQT	18/03/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Danh mục công trình xây dựng theo đề nghị của địa phương trong Quý II năm 2022; Chủ trương vay vốn Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Tháp và sử dụng vốn của Công ty để đầu tư dự án nước sạch và mua sắm thiết bị phục vụ công tác vệ sinh môi trường của Công ty; Kế hoạch và hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Đảng ủy Công ty năm 2022; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
7	76/NQ-HĐQT	25/03/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; Đánh giá người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty năm 2021; Bổ nhiệm lại nhân sự Phó trưởng Phòng Tài chính Công ty; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
8	77/NQ-HĐQT	31/03/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Tuyến ống chuyển tải từ Tân Dương đến thị trấn Lai Vung thuộc Kế hoạch giai đoạn 2021-2025; Chỉ đạo trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
9	78/NQ-HĐQT	07/4/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ trương về loại công nghệ xử lý, quy mô đầu tư và phương án bố trí mặt bằng 08 công trình nhà máy nước; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
10	79/NQ-HĐQT	08/4/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ trương, định hướng tiếp nhận các trạm cấp nước nông thôn có nhu cầu chuyển nhượng lại cho Công ty; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
11	80/NQ-HĐQT	19/4/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính tổng hợp quý 1 năm 2022; Chủ trương tiếp tục vay vốn theo hạn mức tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
12	81/NQ-HĐQT	27/4/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 của Công ty; Bổ nhiệm lại các chức danh quản lý đến hạn; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Các Nghị quyết/Quyết định (Tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	82/NQ-HĐQT	06/05/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch tiền lương năm 2022 của người lao động; Chủ trương tiếp tục vay vốn theo hạn mức tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp; Chủ trương điều chỉnh khái toán tổng mức đầu tư đối với Công trình Tuyến ống Ø114 đường ĐT845 từ bãi cát đá Quyết Thắng đến ranh xã Trường Xuân; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
14	83/NQ-HĐQT	25/5/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ trương điều chỉnh tổng mức đầu tư đối với Công trình Tuyến ống Ø168 từ nhà máy nước Bình Thành đến thị trấn Lấp Vò giai đoạn 2; Điều chỉnh, bổ sung 03 công trình cấp thiết vào Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022; Chủ trương về thời điểm tổ chức thi công một số công trình thuộc Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
15	84/NQ-HĐQT	31/5/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ trương điều động nhân sự và phân công nhiệm vụ của Chi nhánh; Chủ trương bổ nhiệm lại các chức danh quản lý đến hạn; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
16	85/NQ-HĐQT	10/06/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ trương điều chỉnh, bổ sung công trình nguồn thuộc Kế hoạch Đầu tư phát triển năm 2022; Điều chỉnh tổng mức đầu tư đối với 02 công trình thuộc Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
17	86/NQ-HĐQT	17/6/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chương trình, tài liệu, kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; Chủ trương chấp thuận giải quyết việc nghỉ việc theo nguyện vọng; Chủ trương phân công và điều động nhân sự Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
18	87/NQ-HĐQT	24/6/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022; Chủ trương chuyển giao lại Trạm cấp nước nông thôn; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	88/NQ-HĐQT	07/7/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thành lập Tổ định mức nguyên, nhiên, vật liệu; Chủ trương điều chỉnh TMĐT và thời gian thực hiện đối với công trình Cải tạo tuyến ống PVC D220 từ Nhà máy nước Phú Hựu đến thị trấn Cái Tàu Hạ; Số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp quý 2 năm 2022 và dự thảo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2022; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
20	89/NQ-HĐQT	04/8/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm Trưởng Phòng Môi trường Công ty; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
21	90/NQ-HĐQT	08/8/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản lượng nước tiêu thụ năm 2022; Một số chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh và tài chính giai đoạn 2022-2025; Danh mục công trình xây dựng theo đề nghị của địa phương; Nội dung đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 và ý kiến chỉ đạo, phương hướng nhiệm vụ các tháng cuối năm 2022; Toàn bộ nội dung dự thảo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 (đã được đơn vị kiểm toán độc lập soát xét); Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
22	91/NQ-HĐQT	30/8/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ trương đầu tư Tuyến ống PVC D114 đường Thường Phước - Ba Nguyên từ ĐT841 đến Kênh Sườn 2; Chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Chi nhánh Dịch vụ Môi trường; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
23	92/NQ-HĐQT	15/9/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch mua sắm mới 01 xe ép rác; Vay vốn Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp và sử dụng vốn của Công ty để đầu tư dự án công trình nước sạch của Công ty; Sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và tài sản sau làm tài sản thế chấp để vay vốn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Các Nghị quyết/Quyết định (Tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	93/NQ-HĐQT	17/10/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương án nâng cao năng lực, hiệu quả công việc của người lao động trong Công ty giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch Đào tạo nhằm tổ chức, triển khai Phương án trong quý 4 năm 2022 và năm 2023; • Chủ trương điều chỉnh quy mô Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước tại các xã Bình Thành, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò giai đoạn 2; • Toàn bộ nội dung dự thảo báo cáo tài chính quý 3 năm 2022; • Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
25	94/NQ-HĐQT	07/11/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 (Nhiệm kỳ 2022-2027); • Chủ trương về công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị công nghệ, máy móc, vật tư chính trong đầu tư xây dựng cơ bản; • Chủ trương về nhân sự Trưởng Trạm Cấp nước Lấp Vò, Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền; • Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
26	95/NQ-HĐQT	21/11/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chủ trương về việc thi công các công trình thuộc kế hoạch năm 2021, 2022; • Chủ trương giải quyết khó khăn, vướng mắc về thanh toán chi phí công tác xây dựng cơ bản của Công ty; • Vay vốn Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp và sử dụng vốn của Công ty để đầu tư dự án công trình nước sạch của Công ty; • Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
27	96/NQ-HĐQT	23/11/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chủ trương về việc đầu tư Dự án Nhà máy nước mặt Tân Long; • Chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ quản lý tại Chi nhánh Cấp nước Đông Bắc Sông Tiền và Chi nhánh Cấp nước Đông Bắc Sông Tiền; • Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
28	97/NQ-HĐQT	07/12/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ hồ sơ, dự thảo tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022; • Thành lập Ban chỉ đạo đầu tư xây dựng cơ bản CTCP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp; • Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%
29	98/NQ-HĐQT	28/12/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hoàn thiện hồ sơ, dự thảo tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022; • Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. 	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập :Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty :Không có



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	38.800	0,15%
2	Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	700	0,00%
3	Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	1.000	0,00%

Giới thiệu Ban kiểm soát

BÀ NGUYỄN THỊ THU TRANG

Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1968
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1991 - 10/1990	Công ty Vận tải biển Đồng Tháp	Nhân viên kế toán
10/1996 - 03/2003	Công ty Cấp nước Đồng Tháp	Nhân viên kế toán
03/2003 - 09/2006	Công ty Cấp nước Đồng Tháp	Phó phòng Tài vụ
09/2006 - 03/2017	Công ty TNHH Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Kiểm soát viên
03/2017 đến nay	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Trưởng Ban Kiểm Soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu:	38.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,15 %
Sở hữu cá nhân	38.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,15 %
Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %

ÔNG NGUYỄN THANH HỒNG

Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh

- Năm sinh: 1982
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011 - 03/2018	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Nhân viên phòng Kế toán
04/2018 - 06/2018	CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh
06/2018 đến nay	CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu:	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,003 %
Sở hữu cá nhân	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,003 %
Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Giới thiệu Ban kiểm soát (Tiếp theo)

BÀ ĐÌNH THỊ THANH THÚY

Thành viên Ban kiểm soát kiêm Tổ phó Tổ kỹ thuật, Phòng kỹ thuật

- Năm sinh: 1984
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn: Đại học Xây dựng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2006 - 05/2014	Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Nhân viên Phòng kỹ thuật
06/2014 - 03/2019	Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Phó phòng Phòng kỹ thuật
04/2019 - 07/2019	Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Nhân viên Phòng kỹ thuật
07/2019 đến nay	CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Tổ phó Tổ kỹ thuật, Phòng kỹ thuật

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Số lượng cổ phần sở hữu:	1.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,004	%
Sở hữu cá nhân	1.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,004	%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0	%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0	%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

- » BKS làm việc theo nguyên tắc độc lập, tổ chức thẩm định, rà soát, giám sát, kiểm tra các nội dung, đối tượng thuộc thẩm quyền đúng quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý Công ty và các quy định khác có liên quan.
- » BKS luôn tiếp xúc, lắng nghe, hướng dẫn, kiểm tra và giải đáp nhiều nội dung khi các cổ đông có yêu cầu đúng theo chức trách nhiệm vụ theo quy định, tham dự các cuộc họp HĐQT, mở rộng giao ban định kỳ và có nhiều đóng góp ý kiến khách quan, tích cực cho Công ty.
- » Tất cả nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các nghị quyết khác đều được BKS tập hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá tốt về tính pháp lý, cũng như đánh giá tốt hiệu quả thực hiện tại Công ty.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	6/6	100%
2	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	6/6	100%
3	Đình Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	6/6	100%

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

- » Tiếp tục triển khai công tác giám sát hoạt động của HĐQT, BTGD và các phòng, chi nhánh trực thuộc Công ty, giám sát việc giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCOM đảm bảo tính công, khai minh bạch, giám sát, kiểm tra việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật.
- » Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng, quý của Công ty, trình báo cáo thẩm định lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- » Tham gia các buổi họp của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban chuyên môn, kiểm tra giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định,... của Đảng ủy Công ty, ĐHĐCĐ, HĐQT và BTGD Công ty ban hành.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
Hội đồng quản trị						
1	Nguyễn Văn Để	Chủ tịch HĐQT	604.026.109	0	77.841.702	56.525.720
2	Trần Văn Tấn	Thành viên HĐQT	489.834.779	0	18.843.439	34.885.127
3	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	508.632.426	0	69.207.875	50.508.474
4	Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	508.632.426	0	69.207.875	51.308.475
Ban kiểm soát						
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	457.769.186	0	62.287.087	44.916.952
2	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	171.286.109	54.000.000	7.220.163	11.964.326
3	Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	199.670.403	54.000.000	7.075.149	13.374.999
Ban điều hành						
1	Trần Văn Tấn	Tổng Giám đốc	489.834.779	0	18.843.439	34.885.127
2	Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	508.632.426	0	69.207.875	50.508.474
3	Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc	508.632.426	0	69.207.875	51.308.475
4	Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	489.834.779	0	18.843.439	34.885.127

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Minh Trung	Người nội bộ	17.500	0,0675	5.000	0,0193	Bán cổ phiếu Giao dịch từng đợt với giá trị dưới 50 triệu đồng/ngày và dưới 200 triệu đồng/tháng (tính theo mệnh giá)
2	Lê Mỹ Dung	Người nội bộ	7.300	0,0282	10.800	0,0417	Mua cổ phiếu Giao dịch từng đợt với giá trị dưới 50 triệu đồng/ngày và dưới 200 triệu đồng/tháng (tính theo mệnh giá)
3	Nguyễn Quốc Hưng Thịnh	Người có liên quan đến người nội bộ	0	0,0000	6.800	0,0262	Mua cổ phiếu Giao dịch từng đợt với giá trị dưới 50 triệu đồng/ngày và dưới 200 triệu đồng/tháng (tính theo mệnh giá)

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

HĐQT, BKS, BTGD, người lao động và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty luôn nghiêm túc thực hiện tốt chính sách pháp luật, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký và cho phép, chấp hành tốt các quy định, chủ trương chỉ đạo của cấp thẩm quyền và của các sở, ban ngành trong Tỉnh.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số: 010 /2023/UHYHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 03 năm 2023, từ trang 7 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 36.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Tại ngày 31/12/2022, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 27.210.207.071 đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền
Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Tuyết Hoa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.197.018.630	116.675.136.960
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33.602.809.757	33.102.308.185
Tiền	111		33.602.809.757	33.102.308.185
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	7.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	10.000.000.000	7.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.102.138.290	46.124.091.947
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	27.894.810.593	32.771.240.461
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.501.787.670	2.346.558.400
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	17.776.184.683	13.564.828.711
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7,8	(3.070.644.656)	(2.558.535.625)
Hàng tồn kho	140	10	30.492.070.583	29.824.938.984
Hàng tồn kho	141		30.492.070.583	29.824.938.984
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	123.797.844
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	123.797.844
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		952.556.668.524	931.308.513.586
Tài sản cố định	220		426.802.206.275	443.911.614.691
Tài sản cố định hữu hình	221	11	426.197.974.168	443.307.382.584
- Nguyên giá	222		841.952.361.966	806.908.096.640
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(415.754.387.798)	(363.600.714.056)
Tài sản cố định vô hình	227	12	604.232.107	604.232.107
- Nguyên giá	228		1.550.263.743	1.550.263.743
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(946.031.636)	(946.031.636)
Tài sản dở dang dài hạn	240		509.251.913.169	471.061.455.228
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	509.251.913.169	471.061.455.228
Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.040.000	84.040.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	84.040.000	84.040.000
Tài sản dài hạn khác	260		16.418.509.080	16.251.403.667
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	16.418.509.080	16.251.403.667
TỔNG TÀI SẢN	270		1.071.753.687.154	1.047.983.650.546

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		738.920.492.707	729.159.229.973
Nợ ngắn hạn	310		614.628.830.189	597.546.134.333
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	15.605.699.671	11.826.883.027
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.139.661.934	696.702.784
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	5.321.731.042	6.305.420.861
Phải trả người lao động	314		31.858.449.764	27.438.400.818
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.824.711.110	7.761.380.354
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	477.011.009.004	478.353.077.268
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	74.197.798.664	65.134.029.221
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		47.419.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.622.350.000	30.240.000
Nợ dài hạn	330		124.291.662.518	131.613.095.640
Phải trả dài hạn khác	337	19	24.551.981.321	27.281.851.941
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	87.520.166.711	94.341.169.587
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		12.219.514.486	9.990.074.112
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		332.833.194.447	318.824.420.573
Vốn chủ sở hữu	410	21	332.833.194.447	318.824.420.573
Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.181.300.000	259.181.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.181.300.000	259.181.300.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		37.217.067.585	27.605.902.085
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.434.826.862	32.037.218.488
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	30.240.000
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		36.434.826.862	32.006.978.488
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.071.753.687.154	1.047.983.650.546

Tp. Cao Lãnh, ngày 07 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu


Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng


Hoàng Quốc Hưng

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	417.484.531.801	382.076.509.470
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	296.768.182	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		417.187.763.619	382.076.509.470
Giá vốn hàng bán	11	24	292.241.011.940	277.022.950.352
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.946.751.679	105.053.559.118
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	507.678.334	368.176.388
Chi phí tài chính	22	26	6.566.873.533	5.428.990.967
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.566.873.533</i>	<i>5.428.990.967</i>
Chi phí bán hàng	25	27	35.999.797.222	31.119.351.968
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	43.421.343.766	38.027.114.182
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.466.415.492	30.846.278.389
Thu nhập khác	31	28	2.573.997.898	6.717.320.889
Chi phí khác	32	29	406.843.962	479.129.266
Lợi nhuận khác	40		2.167.153.936	6.238.191.623
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.633.569.428	37.084.470.012
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	5.198.742.566	5.077.491.524
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.434.826.862	32.006.978.488
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.138	940
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.138	940

Tp. Cao Lãnh, ngày 07 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Hưng

Tổng Giám đốc

Trần Văn Tấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		41.633.569.428	37.084.470.012
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		53.705.130.395	54.090.208.762
Các khoản dự phòng	03		512.109.031	1.394.180.760
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(904.913.815)	39.108.466
Chi phí lãi vay	06		6.566.873.533	5.428.990.967
Các khoản điều chỉnh khác	07		2.325.922.038	4.339.266.716
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		103.838.690.610	102.376.225.683
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		922.273.727	(13.429.118.748)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(46.126.798.685)	(17.125.396.209)
Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.503.202.787	(15.265.148.465)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(167.105.413)	(348.697.633)
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.546.095.808)	(5.419.949.773)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.840.000.000)	(3.242.823.446)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.980.386.174)	(2.816.398.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.603.781.045	44.728.692.996
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(31.167.677.199)	(34.970.446.968)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.650.463.637	297.286.015
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.500.000.000)	(3.800.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		444.501.622	290.235.292
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.572.711.940)	(38.182.925.661)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		112.529.352.875	97.315.692.659
Tiền trả nợ gốc vay	34		(110.286.586.308)	(88.237.262.919)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.773.334.100)	(14.254.971.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.530.567.533)	(5.176.541.760)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		500.501.572	1.369.225.575
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	33.102.308.185	31.733.082.610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	33.602.809.757	33.102.308.185

Tp. Cao Lãnh, ngày 07 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng



Hoàng Quốc Hưng

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17/03/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Tổng số người lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 742 người.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch, thu gom rác thải và các dịch vụ môi trường, tư vấn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ địa táng, hỏa táng và các dịch vụ kèm theo có liên quan;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Vệ sinh chung nhà cửa. Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường; lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình; Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)

- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước, như: Hệ thống thủy lợi (kênh); Hồ chứa... Xây dựng công trình cửa, như: Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa; Nhà máy xử lý nước thải; Trạm bơm. Khoan nguồn nước;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng nhà ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công ích khác. Xây dựng công trình, hệ thống xử lý rác thải độc hại và không độc hại. Xây dựng công trình, hệ thống xử lý nước thải độc hại và không độc hại. Xây dựng công trình xử lý bùn. Xây dựng các công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm. Chi tiết: Vườn ươm cây;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt. Chi tiết: Dịch vụ rút hầm cầu;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm. Chi tiết: Vườn ươm cây;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng, vận chuyển phế liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà không ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền	Số 207b, Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Bắc Sông Tiền	Số 01, Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền	Quốc lộ 30, Phường An Lộc, Thành phố Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	Số 15/4, Quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Nước Đóng chai Dowasen	Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 32, 33 và 36.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính tài sản.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, vay và nợ thuê tài chính và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo Công văn 2506/CT-TTHT ngày 26/10/2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.
- Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực kinh doanh thông thường, lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác được áp dụng với mức thuế suất thông thường là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai, hoạt động xây lắp, bán vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Tiền mặt	921.487.883	1.113.439.198
Tiền gửi ngân hàng	32.681.321.874	31.988.868.987
Cộng	33.602.809.757	33.102.308.185

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Ngắn hạn</i>				
- Tiền gửi tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
- Tiền gửi tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam (2)	7.000.000.000	7.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Dài hạn</i>				
- Tiền gửi tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam (2)	3.000.000.000	3.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000

(1) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam, lãi suất 4,6%/năm.

(2) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, lãi suất 4,9%/năm.

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng này (chi tiết tại Thuyết minh số 20).

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường (3)	84.040.000	-	84.040.000	-
	84.040.000	-	84.040.000	-

(3) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 1,25%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	27.894.810.593	(2.976.179.656)	32.771.240.461	(2.369.605.625)
- Phải thu của khách hàng Nước sinh hoạt	7.800.931.115	(1.068.641.553)	12.289.934.916	(675.296.591)
- Ban Quản lý Công trình Công cộng Thành phố Cao Lãnh	2.828.497.125	-	2.081.074.000	-
- Ban Quản lý Công trình Đô thị Thành phố Sa Đéc	2.172.443.000	-	2.017.833.000	-
- Phòng Tài Nguyên Và Môi Trường Thành Phố Cao Lãnh	2.136.768.554	-	1.554.592.770	-
- Ban Quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất Thành phố Cao Lãnh	388.112.000	(319.727.600)	388.112.000	(226.088.800)
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	12.568.058.799	(1.587.810.503)	14.439.693.775	(1.468.220.235)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	27.894.810.593	(2.976.179.656)	32.771.240.461	(2.369.605.625)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.501.787.670	(94.465.000)	2.346.558.400	(94.465.000)
- Công ty TNHH Phát triển Công nghệ & DV HSVN Toàn Cầu	-	-	321.200.000	-
- Lê Văn Tranh	-	-	385.920.000	-
- Nguyễn Thị Hoa - Phan Thị Ngọc Vàng	-	-	258.262.000	-
- Công ty Cổ phần Green Life Group	207.765.000	-	-	-
- Công ty TNHH Công nghiệp tự động Hòa An Phát	67.511.400	-	-	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.226.511.270	(94.465.000)	1.381.176.400	(94.465.000)
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	2.501.787.670	(94.465.000)	2.346.558.400	(94.465.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	17.776.184.683	-	13.564.828.711	-
- Tạm ứng	3.987.700.741	-	4.735.343.619	-
- Phải thu thuế TNCN	3.226.751.291	-	1.489.049.347	-
- Phải thu lãi dự thu	261.545.205	-	198.368.493	-
- Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.983.000.065	-	968.930.820	-
- Chi phí nhà máy nước thải (*)	3.399.249.280	-	2.189.929.312	-
- Phải thu do thu hồi đất dự án thoát nước Tp. Cao Lãnh	3.042.207.120	-	3.042.207.120	-
- Phải thu từ trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.700.000.000	-	782.690.000	-
- Phải thu khác	175.730.981	-	158.310.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	17.776.184.683	-	13.564.828.711	-

(*) Các khoản Công ty chi hộ chi phí nhân công, tiền điện, tiền mạng, tiền điện thoại,... cho Chi nhánh Dịch vụ Môi trường.

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.471.579.957	-	25.976.586.667	-
Công cụ dụng cụ	668.650.698	-	713.769.456	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	951.283.179	-	2.953.665.104	-
Thành phẩm	317.075.123	-	169.798.754	-
Hàng hoá	83.481.626	-	111.119.003	-
Cộng	30.492.070.583	-	29.824.938.984	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND		Máy móc thiết bị vận tải, truyền dẫn VND		Thiết bị dụng cụ quản lý VND		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ							
Tại 01/01/2022	426.073.284.553	66.154.492.535	313.062.467.102	1.617.852.450	806.908.096.640		
- Mua trong năm	-	79.000.000	545.657.213	-	624.657.213		
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.329.245.059	6.597.560.454	27.175.320.905	8.008.506	37.110.134.924		
- Thanh lý TSCĐ	(279.345.948)	(1.309.410.837)	(1.090.771.520)	(10.998.506)	(2.690.526.811)		
Tại 31/12/2022	429.123.183.664	71.521.642.152	339.692.673.700	1.614.862.450	841.952.361.966		
HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại 01/01/2022	(171.163.077.744)	(37.612.746.116)	(153.769.410.177)	(1.055.480.019)	(363.600.714.056)		
- Khấu hao trong năm	(28.052.371.655)	(5.254.524.933)	(20.187.380.950)	(210.852.857)	(53.705.130.395)		
- Tăng hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ Khoa học Công nghệ (*)	(83.886.636)	(412.595.028)	-	-	(496.481.664)		
- Thanh lý TSCĐ	246.403.996	1.154.936.459	635.599.356	10.998.506	2.047.938.317		
Tại 31/12/2022	(199.052.932.039)	(42.124.929.618)	(173.321.191.771)	(1.255.334.370)	(415.754.387.798)		
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2022	254.910.206.809	28.541.746.419	159.293.056.925	562.372.431	443.307.382.584		
Tại 31/12/2022	230.070.251.625	29.396.712.534	166.371.481.929	359.528.080	426.197.974.168		

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 86.673.344.041 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 84.160.628.267 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 116.893.957.585 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

(*) Giá trị hao mòn các tài sản cố định hữu hình phát sinh tăng do đầu tư, mua sắm được hình thành từ Quỹ Khoa học Công nghệ không ghi nhận vào chi phí của Công ty.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy vi tính		TSCĐ vô hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ							
Tại 01/01/2022	604.232.107	582.088.000	363.943.636	1.550.263.743			
Tại 31/12/2022	604.232.107	582.088.000	363.943.636	1.550.263.743			
GIÁ TRỊ HAO MÒN							
Tại 01/01/2022	-	(582.088.000)	(363.943.636)	(946.031.636)			
Tại 31/12/2022	-	(582.088.000)	(363.943.636)	(946.031.636)			
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2022	604.232.107	-	-	604.232.107			
Tại 31/12/2022	604.232.107	-	-	604.232.107			

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 946.031.636 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
- Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh (*)	446.392.478.344	446.392.478.344
- Tuyển ống chuyển tải từ Tân Dương đến thị trấn Lai Vung	9.832.425.576	-
- Tuyển ống D315 đường N2 từ thị trấn Mỹ An đến trung tâm xã Mỹ Đông; Tuyển ống D168 đường ĐT.850 từ đường N2 đến UBND xã Láng Biền	7.014.739.569	-
- Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Khánh Mỹ, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò	6.743.556.361	-
- Xây dựng Nhà máy nước An Hiệp-H.Châu Thành	5.586.840.536	5.291.284.482
- Công trình tuyển ống D220 đường ĐT 848 từ trạm CN Mương Điều đến áp Tân Trong	4.995.675.800	-
- Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Mỹ Hiệp	4.678.978.995	340.347.000
- Xây dựng Nhà máy nước Vĩnh Thạnh-xã Vĩnh Thạnh-H.Lấp Vò	4.025.070.242	3.906.827.048
- Công trình tuyển ống D220 từ nhà máy nước Phú Hữu đến thị trấn Cái Tàu Hạ	3.605.778.990	-
- Tuyển ống D220, D168 từ Trạm cấp nước Tân Việt Hòa đến UBND xã Tịnh Thới	2.117.613.828	-
- Tuyển ống D160 Bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp từ Nhà máy nước Mỹ An đến Cống Trạm bơm số 3	2.024.336.015	-
- Cải tạo nâng công suất Trạm cấp nước KCN Trần Quốc Toàn (2)-P11-TPCL	1.918.258.101	1.962.097.646
- Tuyển ống D114 đường ĐT845 từ bãi cát đá Quyết Thắng đến ranh xã Trường Xuân	1.545.109.591	-
- Các công trình khác	8.771.051.221	13.168.420.708
Cộng	509.251.913.169	471.061.455.228

(*) Công trình trên được xây dựng trên hai nguồn vốn bao gồm nguồn vốn Ngân sách nhà nước và nguồn vốn ODA do Ngân hàng Tài Thiết Đức (KfW). Sau khi các công trình hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bàn giao lại tài sản cho đơn vị tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Dài hạn	16.418.509.080	16.251.403.667
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	5.344.156.969	5.099.016.694
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.924.293.720	2.343.195.830
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	153.750.580	538.836.024
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất	7.590.251.083	7.559.454.234
- Chi phí trả trước dài hạn khác	406.056.728	710.900.885
Cộng	16.418.509.080	16.251.403.667

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	15.605.699.671	15.605.699.671	11.826.883.027	11.826.883.027
- Công ty Xăng Dầu Đồng Tháp (TNHH MTV)	1.981.856.220	1.981.856.220	615.848.500	615.848.500
- Công ty CP Vận tải TMXDCN Đức Long	1.560.000.000	1.560.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	1.409.313.600	1.409.313.600	521.846.600	521.846.600
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Minh Nghi	970.760.751	970.760.751	161.201.700	161.201.700
- Công ty TNHH TM DV KTCN Đại Phước Khánh	519.260.000	519.260.000	519.860.000	519.860.000
- Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	517.190.975	517.190.975	-	-
- Công ty TNHH TM Từ Bảo Nghi	481.046.180	481.046.180	259.974.000	259.974.000
- Công ty TNHH Quang Nhựt	61.527.950	61.527.950	250.850.350	250.850.350
- Công ty CP Thương Mại Đầu Tư Vân Long CDC	-	-	1.429.450.000	1.429.450.000
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	10.086.600.215	10.086.600.215	8.067.851.877	8.067.851.877
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.139.661.934	696.702.784
- Hệ Thống Thoát Nước Thành Phố Cao Lãnh	2.064.277.000	656.423.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	75.384.934	40.279.784
Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2022		Số đã thực nộp trong năm		Tại 31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.305.420.861	44.852.419.960	45.836.109.779	5.321.731.042		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.891.687.296	10.452.185.727	11.175.652.969	1.168.220.054		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.742.168.186	5.198.742.566	5.840.000.000	1.100.910.752		
- Thuế thu nhập cá nhân	414.528.837	3.798.664.966	3.563.197.182	649.996.621		
- Thuế tài nguyên	356.785.204	6.571.425.440	6.372.923.292	555.287.352		
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	662.368.711	2.178.275.976	2.345.175.687	495.469.000		
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác (*)	1.237.882.627	16.653.125.285	16.539.160.649	1.351.847.263		
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	123.797.844	417.374.388	293.576.544	-		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	123.797.844	417.374.388	293.576.544	-		

(*) Công ty thực hiện thu hộ và chi hộ phí nước thải sinh hoạt của các đơn vị khác trong tỉnh Đồng Tháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	6.824.711.110	7.761.380.354
- Chi phí xử lý rác thải sinh hoạt	6.721.674.357	7.679.121.326
- Chi phí lãi vay phải trả	103.036.753	82.259.028
Dài hạn	-	-
Cộng	6.824.711.110	7.761.380.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	477.011.009.004	478.353.077.268
- Kinh phí công đoàn	26.425.689	27.679.704
- Bảo hiểm xã hội	48.599.364	35.502.575
- Bảo hiểm y tế	86.099.859	84.103.651
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.864.366	11.625.823
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.670.556.237	2.312.654.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	474.170.463.489	475.881.510.715
+ Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh (**)	450.026.334.114	450.026.334.114
+ Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP.Cao Lãnh (*)	13.352.000.000	13.352.000.000
+ Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh - đấu nối hộ gia đình (**)	3.314.999.000	3.314.999.000
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí quản lý dự án	2.600.098.369	2.600.098.369
+ Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp (*)	1.002.692.350	1.002.692.350
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí thẩm tra, giám sát, phê duyệt quyết toán	954.559.000	954.559.000
+ Hệ thống cấp nước Xã Tân Khánh Trung, Huyện Lấp Vò (Sở Tài chính)	839.356.286	839.356.286
+ Phòng Tài chính Kế hoạch TP.Cao Lãnh	483.030.000	483.030.000
+ Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	290.435.844	290.435.844
+ Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	235.143.180	235.143.180
+ Dự án Đường nội bộ vào Nhà máy xử lý rác, Đập Đá HCL (**)	-	1.862.406.000
+ Phải trả, phải nộp khác	1.071.815.346	920.456.572
Dài hạn	24.551.981.321	27.281.851.941
- Dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền	17.091.899.500	17.091.899.500
- Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	3.194.794.280	3.775.665.968
- Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	2.586.574.971	3.056.861.331
- Hệ thống cấp nước Xã Tân Khánh Trung, Huyện Lấp Vò (Sở Tài chính)	1.678.712.570	3.357.425.142
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	501.562.990.325	505.634.929.209

(*) Là khoản Công ty mượn 9 xe ép rác và 1 ô tô chở rác với tổng giá trị là 14.354.692.350 đồng.

(**) Đây là khoản phải trả liên quan đến các công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn vốn đối ứng ngân sách Nhà nước. Sau khi các công trình trên hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao cho cơ quan tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào Công văn số 1445/STC-TCĐN của Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 29/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2022		Trong năm		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	Vay, nợ thuế tài chính ngắn hạn	74.197.798.664	74.197.798.664	119.350.355.751	110.286.586.308	65.134.029.221
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	9.710.886.000	9.710.886.000	10.083.418.000	13.901.201.000	13.528.669.000	13.528.669.000
- Ngân hàng Công Thương VN (3)	17.545.517.408	17.545.517.408	30.343.090.828	19.198.323.562	6.400.750.142	6.400.750.142
- Ngân hàng Ngoại Thương VN (4)	37.485.395.256	37.485.395.256	69.467.846.923	67.731.061.746	35.748.610.079	35.748.610.079
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp (5)	456.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000
Trong đó, lịch đến hạn trả nợ các khoản vay trung, dài hạn trong năm 2023, phân loại từ vay dài hạn:	21.679.406.000	21.679.406.000	22.550.198.000	-	-	-
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-
+ Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	9.710.886.000	9.710.886.000	10.083.418.000	-	-	-
+ Ngân hàng Ngoại Thương VN (4)	2.512.520.000	2.512.520.000	3.010.780.000	-	-	-
+ Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp (5)	456.000.000	456.000.000	456.000.000	-	-	-
Vay, nợ thuế tài chính dài hạn	87.520.166.711	87.520.166.711	15.729.195.124	22.550.198.000	94.341.169.587	94.341.169.587
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	39.193.964.000	39.193.964.000	-	9.000.000.000	48.193.964.000	48.193.964.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	39.725.033.000	39.725.033.000	11.476.064.000	10.083.418.000	38.332.387.000	38.332.387.000
- Ngân hàng Ngoại Thương VN (4)	7.399.208.711	7.399.208.711	4.253.131.124	3.010.780.000	6.156.857.587	6.156.857.587
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp (5)	1.201.961.000	1.201.961.000	-	456.000.000	1.657.961.000	1.657.961.000
Cộng	161.717.965.375	161.717.965.375	135.079.550.875	132.836.784.308	159.475.198.808	159.475.198.808

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
- HD số 07/2017/HĐTD-DTPT ngày 06/07/2017	Tuyến ống cấp nước truyền tải từ nhà máy nước mặt Đồng Bình về thành phố Cao Lãnh	1.746.316.000	6 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm
- HD số 08/2017/HĐTD-DTPT ngày 17/7/2017	Nhà máy nước mặt Đồng Bình - công suất	4.993.436.000	7 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm
- HD số 04/2018/HĐTD-DTPT ngày 29/5/2018	Nhà máy nước mặt Đồng Bình - công suất 5.000 m3/ngđêm, giai đoạn 2	645.570.000	5 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm của Dự án mua lại và phân còn lại của Công ty đã đầu tư trong khuôn viên Nhà máy nước mặt Đồng Bình
- HD vay số 02/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 03/6/2020	Mua lại Nhà máy nước mặt Đồng Bình	18.697.000.000	15 năm	6%/năm	Quyền khai thác của Dự án Hệ thống cấp nước thị trấn Thới Bình, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 3.000 m3/ngày đêm (Hạng mục: Gói 5 và Gói 6)
- HD thế chấp số 02.1/2020/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 03/6/2020					
- HD thế chấp số 02.2/2020/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 03/6/2020					
- HD thế chấp số 02.3/2020/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 03/6/2020					
- HD thế chấp số 02.4/2022/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 08/12/2022					
- HD thế chấp số 02.5/2022/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 05/11/2022					
- HD thế chấp số 02.6/2022/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 05/11/2022					
- HD thế chấp số 02.6/2022/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 05/11/2022					
- HD vay số 01/2021/HĐTD-QĐTPT ngày 20/4/2021	Mua sắm 02 ép rác (6 tấn/xe) x2	4.012.500.000	7 năm	6%/năm	- Xe ép rác hiệu HINO - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chi nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc
- HD sửa đổi, bổ sung 01.1/2021/HĐSDBSHĐTD-QĐTPT ngày 24/6/2021					
- HD thế chấp số 01.1/2021/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 20/4/2021					
- HD thế chấp số 01.2/2021/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 20/4/2021					
- HD vay số 01/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 25/5/2020	Thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước thị trấn Thới Bình, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 3.000 m3/ngày đêm (Hạng mục: Gói 5 và Gói 6)	5.694.158.000	10 năm	6%/năm	Quyền khai thác của Dự án Hệ thống cấp nước thị trấn Thới Bình, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 3.000 m3/ngày đêm.
- HD thế chấp TS số 01.1/2020/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 25/5/2020					
- HD thế chấp TS số 01.2/2020/HĐTCTSGLVB-QĐPT ngày 25/5/2020					

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau (tiếp):

Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
- HĐ vay số 03/2021/HĐTĐ-QĐTPT ngày 11/8/2021 - HĐ sửa đổi, bổ sung 01.1/2021/HĐSĐBSHĐTĐ-QĐTPT ngày 24/6/2021 - HĐ thế chấp TS số 01.1/2021/HĐTCTS-QĐPT ngày 20/4/2021 - HĐ thế chấp TS số 01.2/2021/HĐTCTSGLVD-QĐPT ngày 20/4/2021	Tuyến ống Nhà máy nước Nhà Mân 2 đến chợ Phú Long	1.479.500.000	13 năm	6,5%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chi nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc
- HĐ vay số 04/2021/HĐTĐ-QĐTPT ngày 11/8/2021 - HĐ sửa đổi, bổ sung 01.1/2021/HĐSĐBSHĐTĐ-QĐTPT ngày 24/6/2021 - HĐ thế chấp TS số 01.1/2021/HĐTCTS-QĐPT ngày 20/4/2021 - HĐ thế chấp TS số 01.2/2021/HĐTCTSGLVD-QĐPT ngày 20/4/2021	Tuyến ống từ Cầu Trại Quán đến UBND xã Tân Phú Trung	911.375.000	13 năm	6,5%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc
- HĐ vay số 01/2022/HĐTĐ-QĐTPT ngày 17/02/2022 - HĐ thế chấp TS số 01/2022/HĐTCTSGLVD-QĐPT ngày 17/02/2022	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước mặt thị trấn Mỹ An	1.697.454.000	10 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc
- HĐ vay số 02/2022/HĐTĐ-QĐTPT ngày 30/03/2022 - HĐ thế chấp số 02/2022/HĐTCTSHTTL-QĐTPT ngày 30/03/2022 - HĐ sửa đổi bổ sung số 02.1/2021/HĐTCTSGLVD-QĐPT ngày 06/04/2022	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước mặt huyện Cao Lãnh	984.200.000	8 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chi nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc
- Hợp đồng vay số 04/2022/HĐTĐ-QĐTPT ngày 11/07/2022	Mua 2 xe ép rác (4,3 tấn/xe)	1.928.000.000	7 năm	6%/năm	- Xe ép rác hiệu HINO - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chi nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau (tiếp):

Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
- HĐ vay số 08/2022/HĐTĐ-QĐTPT ngày 04/10/2022	Cải tạo nâng công suất nhà máy nước Thành Bình	1.361.300.000	12 năm	6,5%/năm	- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc - Tài sản hình thành trong tương lai
- HĐ vay số 09/2022/HĐTĐ-QĐTPT ngày 04/10/2022 - HĐ vay số 10/2022/HĐTĐ-QĐTPT ngày 04/10/2022 - HĐ vay số 11/2022/HĐTĐ-QĐTPT ngày 11/11/2022	Cải tạo nhà máy nước mặt Mương Điều Công trình tuyến ống nước HDPE OD315 từ nhà máy Bình Thành - thị xã Lấp Vò Dự án Tuyến ống D168 đường HL An Hòa-Hòa Bình từ QL.30 đến cuối tuyến dân cư ấp 4 xã An Hòa Dự án tuyến ống Ø168 đường 844 từ thị trấn Tràm Chim đến trung tâm xã Phú Thọ Hệ thống CN TXHN 10.000m ³ /ngày (Vay VDB - Ngân hàng Phát triển Việt Nam)	470.000.000 1.581.000.000 1.567.000.000	7 năm 12 năm 12 năm	6%/năm 6,5%/năm 6,5%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc
- Hợp đồng vay số 12/2022/HĐTĐ-QĐTPT ngày 11/11/2022 - HĐ số 01/2013/HĐODDA-NHPTVN ngày 09/04/2013	Vay thanh toán tiền mua xe ô tô xe ép rác HINO Vay thanh toán tiền mua xe ô tô xe ép rác HINO Thanh toán tiền mua xe ô tô xe ép rác HINO Thanh toán tiền lắp đặt bể chứa nước dung tích 700m ³ Thanh toán tiền mua xe ô tô xe ép rác Innova 66S-145.71	48.193.964.000 1.657.961.000 864.000.000 418.501.700 388.500.000	15 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm	0,3%/năm 7,3%/năm 8,8%/năm 8,8%/năm 8,8%/năm	Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là công trình dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngr. tỉnh Đồng Tháp Toàn bộ hệ thống cấp nước của các trạm được mua lại - Xe ép rác hiệu HINO Số dư tiền gửi có kỳ hạn và Giá trị hàng hóa - Xe Ô tô Innova - Số dư tiền gửi có kỳ hạn và Giá trị hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau (tiếp):

Hợp đồng	Dự án	Đư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
- HD vay số 31/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 01/06/2021	Thanh toán tiền mua TCN Bắc Trang xã Tân Công Chi - TBST	223.291.400	5 năm	8,8%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD vay số 32/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 01/6/2021	Thanh toán tiền mua TCN CDC Xã Phú Hiệp & TDC Mươi Tài Xã Phú Cường H. Tam Nông - TBST + TCN ấp Hậu Thành, Xã Tân Dương, H. Lai Vung - NST	987.071.875	5 năm	8,8%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD vay số 40/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/7/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước của Trạm cấp nước Khóm 4, TT Trâm Chim, huyện Tam Nông - TBST	369.595.400	5 năm	7,4%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD vay số 41/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 16/7/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước của Trạm cấp nước Ấp Thông Nhất 1 + Trạm cấp nước Tân Phú - TBST	1.120.679.500	5 năm	7,4%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD vay số 72/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 22/11/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước của Trạm cấp nước (KDC Kiểm Điện, huyện Cao Lãnh và Ấp Hòa Ninh - Hòa Bình, huyện Lai Vung)	1.785.217.712	5 năm	7,4%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD vay số 06/2022/VCB-ĐT-CRC NGÀY 17/01/2022	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước Trung tâm chợ xã Mỹ Hòa (ấp 1), huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	461.440.000	5 năm	7,4%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD vay số 09/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/01/2022	Thanh toán tiền mua Trạm cấp nước Khánh Mỹ A, huyện Lấp Vò và Trạm cấp nước Phú Thọ B, huyện Tam Nông	1.147.029.424	5 năm	7,4%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD vay số 29/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/01/2022	Vay thanh toán tiền mua Trạm cấp nước Ấp 2 Xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười	377.647.040	5 năm	7,4%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD thế chấp TS số 36/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 27/4/2022					
- HD vay số 41/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 16/06/2022	Vay thanh toán tiền mua Trạm cấp nước ấp Tân Hòa B và Trạm cấp nước Cùm dân cư 2/9 ấp Tân Thuận B, huyện Thanh Bình	675.449.700	5 năm	7,6%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD thế chấp TS số 36/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 27/4/2022					
- HD vay số 41/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 16/06/2022	-Hệ thống cấp nước 2 trạm (Tân Thuận A và Tân Thuận B)	1.093.304.960	5 năm	7,6%/năm	
- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021					
- HD thế chấp TS số 36/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 27/4/2022					
- HD vay số 52/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 19/07/2022	-Hệ thống trạm cấp nước CDC chợ Gò Bói				- Số dư tiền gửi có kỳ hạn - Giá trị hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau (tiếp):

Hợp đồng	Dự án	Đư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
- HD vay theo hạn mức số 36/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 27/5/2022					
- HD cầm cố số dư TGC&H số 40/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 24/05/2022	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 03 - HD 36-2022	3.478.015.467	6 tháng	6,0%/năm	
- HD thế chấp hàng hóa số 42/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/5/2022					
- HD vay theo hạn mức số 36/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 27/5/2022	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 04 - HD 36-2022	6.956.118.495	6 tháng	6,5%/năm	
- HD cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 40/2022/VCB-ĐT-CRC					
- HD thế chấp hàng hóa số 42/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/5/2022					
- HD vay theo hạn mức số 36/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 27/5/2022	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 05 - HD 36-2022	2.845.339.919	6 tháng	7,2%/năm	
- HD cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 40/2022/VCB-ĐT-CRC					
- HD thế chấp hàng hóa số 42/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/5/2022					
- HD vay theo hạn mức số 36/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 27/5/2022	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 06 - HD 36-2022	5.782.715.792	6 tháng	8,1%/năm	
- HD cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 40/2022/VCB-ĐT-CRC					
- HD thế chấp hàng hóa số 42/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/5/2022					
- HD vay theo hạn mức số 36/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 27/5/2022	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 07 - HD 36-2022	4.167.204.340	6 tháng	8,7%/năm	
- HD cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 40/2022/VCB-ĐT-CRC					
- HD thế chấp hàng hóa số 42/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/5/2022					
- HD vay theo hạn mức số 36/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 27/5/2022	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 08 - HD 36-2022	6.025.161.078	6 tháng	7,7%/năm	
- HD cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 40/2022/VCB-ĐT-CRC					
- HD thế chấp hàng hóa số 42/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/5/2022					
- HD vay theo hạn mức số 121/2022-HDDCVHMNHCT-DOWASEN	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 09 - HD 36-2022	5.718.320.165	6 tháng	6,7%/năm	
- HD cầm cố số dư khoản tiền gửi số 232/2022/NHCT720-DOWASEN					
- HD vay theo hạn mức số 121/2022-HDDCVHMNHCT-DOWASEN	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 03 - HD 121-2022	7.919.471.972	6 tháng	6,7%/năm	
- HD cầm cố số dư khoản tiền gửi số 232/2022-HDDCVHMNHCT-DOWASEN					
- HD thế chấp hàng hóa số 42/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/5/2022					
- HD vay theo hạn mức số 121/2022-HDDCVHMNHCT-DOWASEN	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 04 - HD 121-2022	3.295.955.476	6 tháng	6,7%/năm	
- HD cầm cố số dư khoản tiền gửi số 232/2022/NHCT720-DOWASEN ngày 23/08/2022					
- HD vay theo hạn mức số 121/2022-HDDCVHMNHCT-DOWASEN	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 05 - HD 121-2022	4.741.413.766	6 tháng	8,5%/năm	
- HD cầm cố số dư khoản tiền gửi số 232/2022/NHCT720-DOWASEN ngày 23/08/2022					
- HD vay theo hạn mức số 121/2022-HDDCVHMNHCT-DOWASEN	- Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 06 - HD 121-2022	1.588.676.194	6 tháng	8,9%/năm	
- HD cầm cố số dư khoản tiền gửi số 232/2022/NHCT720-DOWASEN ngày 23/08/2022					
	Tổng	161.717.965.375			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
UBND tỉnh Đồng Tháp	85,60%	221.854.800.000	85,60%	221.854.800.000
Ông Phan Đình Hùng	0,41%	1.056.000.000	0,41%	1.056.000.000
Ông Nguyễn Văn Đê	0,22%	577.000.000	0,22%	577.000.000
Ông Nguyễn Thượng Vũ	0,20%	526.000.000	0,20%	526.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	0,03%	80.000.000	0,03%	80.000.000
Ông Hoàng Quốc Hưng	0,12%	319.000.000	0,12%	319.000.000
Cổ đông khác	13,42%	34.768.500.000	13,42%	34.768.500.000
Cộng	100%	259.181.300.000	100%	259.181.300.000

21.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	259.181.300.000	259.181.300.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	259.181.300.000	259.181.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.773.334.100	14.254.971.500

21.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2022 Cổ phiếu	Tại 01/01/2022 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	25.918.130	25.918.130
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)
21.4 BẢNG-ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2021	259.181.300.000	19.592.728.586	26.710.578.329	305.484.606.915	
- Lợi nhuận trong năm 2021	-	-	32.006.978.488	32.006.978.488	
- Phân phối lợi nhuận năm 2020	-	8.013.173.499	(26.680.338.329)	(18.667.164.830)	
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	8.013.173.499	(8.013.173.499)	-	
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.988.833.330)	(3.988.833.330)	
+ Trích Quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách	-	-	(423.360.000)	(423.360.000)	
+ Chia cổ tức năm 2020	-	-	(14.254.971.500)	(14.254.971.500)	
Tại 31/12/2021	259.181.300.000	27.605.902.085	32.037.218.488	318.824.420.573	
Tại 01/01/2022	259.181.300.000	27.605.902.085	32.037.218.488	318.824.420.573	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	36.434.826.862	36.434.826.862	
- Phân phối lợi nhuận năm 2021 (*)	-	9.611.165.500	(32.037.218.488)	(22.426.032.988)	
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	9.611.165.500	(9.611.165.500)	-	
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.216.758.888)	(7.216.758.888)	
+ Trích Quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách	-	-	(435.960.000)	(435.960.000)	
+ Chia cổ tức năm 2021	-	-	(14.773.334.100)	(14.773.334.100)	
Tại 31/12/2022	259.181.300.000	37.217.067.585	36.434.826.862	332.833.194.447	

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Quỹ Đầu tư phát triển	37.217.067.585	27.605.902.085
Cộng	37.217.067.585	27.605.902.085

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu	417.484.531.801	382.076.509.470
- Doanh thu bán hàng hóa	3.374.731.421	2.903.459.728
- Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	304.522.961.572	281.130.509.083
- Doanh thu nước đóng chai	9.680.850.888	7.692.889.091
- Doanh thu xây lắp	10.540.605.361	16.091.448.060
- Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	79.995.160.488	66.644.731.614
- Doanh thu dịch vụ khác	9.370.222.071	7.613.471.894
Doanh thu với các bên liên quan	-	-

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác	296.768.182	-
Cộng	296.768.182	-

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.788.045.360	2.438.588.767
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	192.721.154.065	192.730.237.697
Giá vốn nước đóng chai	6.818.285.621	5.543.184.521
Giá vốn xây lắp	7.776.841.169	11.832.171.289
Giá vốn dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	76.597.440.329	58.721.606.762
Giá vốn dịch vụ khác	5.539.245.396	5.757.161.316
Cộng	292.241.011.940	277.022.950.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	487.678.334	348.176.388
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	20.000.000
Cộng	507.678.334	368.176.388

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.566.873.533	5.428.990.967
Cộng	6.566.873.533	5.428.990.967

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.421.343.766	38.027.114.182
- Chi phí nhân viên quản lý	26.145.829.270	19.009.760.677
- Chi phí đồ dùng văn phòng	662.073.911	1.025.865.799
- Chi phí khấu hao TSCĐ	620.067.534	740.101.088
- Thuế, phí và lệ phí	939.536.835	1.547.050.773
- (Hoàn nhập) / bổ sung chi phí dự phòng	512.109.031	1.394.180.760
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	568.507.094	559.563.144
- Chi phí bằng tiền khác	13.973.220.091	13.473.286.941
Chi phí bán hàng	35.999.797.222	31.119.351.968
- Chi phí nhân viên bán hàng	689.293.982	614.481.356
- Chi phí vật liệu, bao bì	17.043.858.326	14.546.402.452
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	445.283.960	396.365.932
- Chi phí khấu hao TSCĐ	14.985.008.899	13.547.818.347
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.394.646.350	1.716.375.383
- Chi phí bằng tiền khác	441.705.705	297.908.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	397.235.481	-
Thu từ vi phạm hợp đồng	232.763.200	-
Thu nhập từ khách hàng đóng góp chi phí lắp đặt đường ống	52.798.821	20.472.727
Thu nhập từ phí nước thải sinh hoạt giữ lại	1.673.154.456	6.594.695.298
Thu nhập từ kiểm kê thừa	10.026.929	5.979.513
Thu nhập khác	208.019.011	96.173.351
Cộng	2.573.997.898	6.717.320.889

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	407.284.854
Chi phí đào tạo	151.000.000	-
Chi phí vật tư do kiểm kê thiếu	5.009.796	-
Chi phí tiền điện	68.093.450	65.947.550
Chi phí khác	182.740.716	5.896.862
Cộng	406.843.962	479.129.266

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	153.621.246.331	143.246.791.841
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.056.685.634	87.141.725.002
Chi phí công cụ dụng cụ	3.881.320.753	3.735.439.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.705.130.395	54.090.208.762
Thuế, phí và lệ phí	939.536.835	1.547.050.773
(Hoàn nhập) / bổ sung chi phí dự phòng	512.109.031	1.394.180.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.036.328.025	10.611.799.583
Chi phí bằng tiền khác	49.800.938.480	44.117.142.234
Cộng	377.553.295.484	345.884.338.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.633.569.428	37.084.470.012
Các khoản điều chỉnh tăng	2.120.952.652	1.911.452.652
- Chi phí khấu hao không được trừ	1.911.452.652	1.911.452.652
- Chi phí khác	209.500.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(20.000.000)	(20.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)	(20.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	43.734.522.080	38.975.922.664
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	35.481.618.496	27.176.930.088
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	8.252.903.584	11.798.992.576
Thuế suất thuế TNDN		
- Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.198.742.566	4.829.668.078
Chi phí thuế TNDN năm 2020 bị truy thu theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước	-	247.823.446
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.198.742.566	5.077.491.524

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	36.434.826.762	32.006.978.488
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(6.537.272.476)	(7.216.758.888)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (VND) (*)	(400.165.555)	(435.960.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	25.918.130	25.918.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.138	940

(*) Trong năm 2021, Công ty đã tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách theo tỷ lệ lần lượt là 14,10% và 1,42% theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021. Trong năm 2022, căn cứ phương án phân phối lợi nhuận được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022, tỷ lệ trích các quỹ này lần lượt là 22,53% và 1,63%. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2022	Cung cấp nước sinh hoạt		Thu gom, vận chuyển và xử lý rác		Bán nước đóng chai và vật tư		Xây lắp		Dịch vụ khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	304.522.961.572	79.698.392.306	13.055.582.309	10.540.605.361	9.370.222.071	417.187.763.619					
Giá vốn bộ phận	(192.721.154.065)	(76.597.440.329)	(9.606.330.981)	(7.776.841.169)	(5.539.245.396)	(292.241.011.940)					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	111.801.807.507	3.100.951.977	3.449.251.328	2.763.764.192	3.830.976.675	124.946.751.679					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(79.421.140.988)					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						45.525.610.691					
Doanh thu hoạt động tài chính						507.678.334					
Chi phí tài chính						(6.566.873.533)					
Thu nhập khác						2.573.997.898					
Chi phí khác						(406.843.962)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(5.198.742.566)					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						36.434.826.862					
Tổng Tài sản						1.071.753.687.154					
Tổng Nợ phải trả						738.920.492.707					

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):

Năm 2021	Cung cấp nước sinh hoạt		Thu gom, vận chuyển và xử lý rác		Bán nước đóng chai và vật tư		Xây lắp		Dịch vụ khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	281.130.509.083	66.644.731.614	10.596.348.819	16.091.448.060	7.613.471.894	382.076.509.470					
Giá vốn bộ phận	(192.730.237.697)	(58.721.606.762)	(7.981.773.288)	(11.832.171.289)	(5.757.161.316)	(277.022.950.352)					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	88.400.271.386	7.923.124.852	2.614.575.531	4.259.276.771	1.856.310.578	105.053.559.118					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(69.146.466.150)					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						35.907.092.968					
Doanh thu hoạt động tài chính						368.176.388					
Chi phí tài chính						(5.428.990.967)					
Thu nhập khác						6.717.320.889					
Chi phí khác						(479.129.266)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(5.077.491.524)					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						32.006.978.488					
Tổng Tài sản						1.047.983.650.546					
Tổng Nợ phải trả						729.159.229.973					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 17,94% và 1,10% lợi nhuận sau thuế trong năm, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/12/2022.

33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Thu nhập từ tiền lương, thưởng, phụ cấp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty</i>	4.207.121.352	4.465.838.198
- Ông Phan Đình Hùng Chủ tịch HĐQT	-	535.736.358
- Ông Nguyễn Văn Đề Chủ tịch HĐQT	738.393.531	695.957.038
- Trần Văn Tấn Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	543.563.345	138.801.304
- Ông Nguyễn Thượng Vũ Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	629.148.776	626.658.235
- Ông Nguyễn Anh Dũng Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	628.348.776	626.008.235
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang Trưởng Ban Kiểm soát	564.973.225	558.663.284
- Bà Phạm Thị Kim Dung Thành viên BKS	-	509.669.569
- Ông Nguyễn Thanh Hồng Thành viên BKS	244.970.598	187.477.007
- Bà Đinh Thị Thanh Thúy Thành viên BKS	274.120.551	9.542.676
- Ông Hoàng Quốc Hưng Kế toán trưởng	583.602.551	577.324.492
<i>Thù lao của Ban Kiểm soát</i>	108.000.000	56.250.000
- Ông Nguyễn Thanh Hồng Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
- Bà Đinh Thị Thanh Thúy Thành viên BKS	54.000.000	2.250.000
Cộng	4.315.121.352	4.522.088.198

36. CÁC THÔNG TIN KHÁC

36.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

36.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Tháp làm trụ sở theo hợp đồng số 4789/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 16/08/2012, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/01/1997. Theo quyết định 6790/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hằng năm sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại (từ ngày 27/12/2016 đến hết ngày 14/01/2017). Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

- Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ ngày 30/05/2008 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 826,5 m² và đơn giá thuê đất là 308 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm).
- Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTĐ ngày 24/06/2009 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 2.545 m² và đơn giá thuê đất là 2.438 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm). Tại ngày 11/09/2017, Công ty Cổ Phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận số CT06226 với tổng diện tích là 1.905,6 m².
- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTĐ ngày 25/12/2009 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 6.837,1 m² và đơn giá thuê đất là 539 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

Công ty được miễn tiền thuê đất hàng năm theo Điều 1, Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Quyền sử dụng đất thuê (trúng đấu giá theo Quyết định số 638/QĐ-HBND-HC ngày 11/05/2020 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp) với diện tích 18.099,1 m², thửa đất số 3065, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại Xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp. Thời hạn sử dụng đất là 50 năm, đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm là 22.800 đồng/m²/năm.

36.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2022, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 27.210.207.071 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào khác gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.5 CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công đã được kiểm toán, trong đó một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại như được nêu tại mục 32 và 33 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2021	Năm 2021
		đã kiểm toán	sau điều chỉnh
		VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.043	940
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.043	940

TP. Cao Lãnh, ngày 07 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Hưng

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn





2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CTCP CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 03 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trần Văn Tấn

CTCP CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam



(0277) 3853 332



www.dowasen.com



DWS

